

I/ NỘI DUNG BÀI

KIẾN THỨC	THỰC HÀNH
<p><u>ÔN TẬP CHƯƠNG I</u></p> <p>Kiến thức cần nhớ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các phép tính cộng, trừ, nhân, chia, lũy thừa, thứ tự thực hiện phép tính - Dấu hiệu chia hết cho 2; 3; 5; 9 - Số nguyên tố, phân tích một số ra thừa số nguyên tố - Ước, ƯC, ƯCLN - Bội, BC, BCNN 	<p><u>CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM</u></p> <p>Chọn câu trả lời đúng</p> <p>1/ Cho tập hợp $A = \{3; 7\}$. Cách viết nào sau đây là đúng? A. $3 \subset A$ B. $\{3\} \in A$ C. $\{7\} \subset A$ D. $A \subset \{7\}$</p> <p>2/ Cho tập hợp $A = \{x \in \mathbb{N}^* \mid 0 \leq x < 3\}$. Số phần tử của tập hợp A là A. 1 B. 2 C. 3 D. 4</p> <p>3/ Số nào sau đây chia hết cho cả 2 và 3? A. 32 B. 42 C. 52 D. 62</p> <p>4/ Kết quả của $2018^{2018} : 2018^{2017}$ là: A. 1 B. 2017 C. 2018 D. 2018^2</p> <p>5/ Tập hợp chỉ gồm các số nguyên tố là: A. $\{1; 2; 3\}$ B. $\{3; 4; 5\}$ C. $\{3; 5; 7\}$ D. $\{7; 9; 11\}$</p> <p>6/ Số nào sau đây là ước chung của 24 và 30? A. 5 B. 8 C. 4 D. 3</p> <p>7/ ƯCLN của 30; 60; 120 là: A. 60 B. 120 C. 10 D. 30</p> <p>8/ Các bội nhỏ hơn 50 của 10 là: A. 1; 10; 20; 30; 40 B. 0; 10; 20; 30; 40; 50 C. 0; 10; 20; 30; 40 D. 1; 2; 5; 10</p>

BÀI TẬP TỰ LUẬN

1/ Tính giá trị biểu thức (bằng cách hợp lý nếu có thể) (Bài 1 SGK/46)

$$a/ A = 37.173 + 62.173 + 173$$

$$A = 37.173 + 62.173 + 173.1$$

$$A = 173. (37 + 62 + 1) \quad (\text{Tính chất phân phối})$$

$$A = \dots\dots\dots$$

$$A = \dots\dots\dots$$

$$(kq A = 17300)$$

$$c/ C = 2^3.3 - (1^{10} + 15) : 4^2$$

$$C = 8.3 - (1 + 15) : 16$$

$$C = \dots\dots\dots$$

$$C = \dots\dots\dots$$

$$C = \dots\dots\dots$$

$$(kq C = 23)$$

2/ Tìm số tự nhiên x biết

$$a/ 58 - (x + 34) = 15$$

$$x + 34 = 58 - 15 \quad (\text{Tìm số trừ})$$

$$x + 34 = 43$$

$$x = 43 - 34 \quad (\text{Tìm số hạng chưa biết})$$

$$x = 9$$

$$b/ (15 + 9x) - 24 = 72$$

$$15 + 9x = \dots\dots\dots \quad (\text{Tìm số bị trừ})$$

$$15 + 9x = \dots\dots\dots$$

$$9x = \dots\dots\dots \quad (\text{Tìm số hạng chưa biết})$$

$$9x = \dots\dots\dots$$

$$x = \dots\dots\dots \quad (\text{Tìm thừa số chưa biết})$$

$$x = \dots\dots\dots$$

3/ Nhóm các bạn lớp 6B cần chia 48 quyển vở, 32 chiếc thước kẻ và 56 bút chì vào trong các túi quà để mang tặng các bạn ở trung tâm trẻ mồ côi sao cho số quyển vở, thước kẻ và bút chì ở mỗi túi đều như nhau. Tính số lượng túi quà nhiều nhất mà nhóm các bạn có thể chia được. Khi đó, số lượng vở, thước kẻ, bút chì trong mỗi túi là bao nhiêu? (Bài 8 SGK/47)

Gọi a là số lượng túi quà nhiều nhất mà nhóm các bạn có thể chia

$$a = \text{ƯCLN}(48, 32, 56)$$

$$48 = \dots\dots \quad (\text{phân tích ra thừa số nguyên tố})$$

$32 = \dots\dots$
 $56 = \dots\dots$
 $ƯCLN(48,32,56) = \dots\dots\dots = 8$
 $a = 8$
 Vậy số lượng túi nhiều nhất mà nhóm bạn có thể chia là 8
 Khi đó, số lượng vở trong mỗi túi là
 $48 : 8 = 6$ (quyển)
 Số lượng thước kẻ trong mỗi túi là

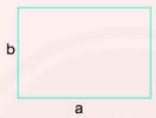

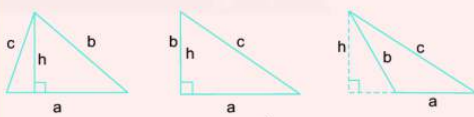
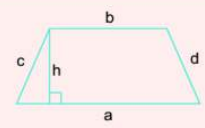
 Số lượng bút chì trong mỗi túi là

4/ Học sinh lớp 6A khi xếp hàng 2, hàng 3, hàng 4, hàng 6 đều vừa đủ hàng. Tính số học sinh lớp 6A biết số học sinh lớp đó khoảng từ 45 đến 50 em?
 Gọi a là số học sinh lớp 6A (hs)
 $a \in BC(2, 3, 4, 6)$ và $45 \leq a \leq 50$
 $2 = \dots\dots\dots$
 $3 = \dots\dots\dots$
 $4 = \dots\dots\dots$
 $6 = \dots\dots\dots$
 $BCNN(2, 3, 4, 6) = \dots\dots\dots = 12$
 $BC(2, 3, 4, 6) = B(12) = \{ \dots\dots\dots \}$
 $a = 48$
 Vậy số học sinh lớp 6A là 48 học sinh.

CHU VI VÀ DIỆN TÍCH MỘT SỐ HÌNH TRONG THỰC TIỄN

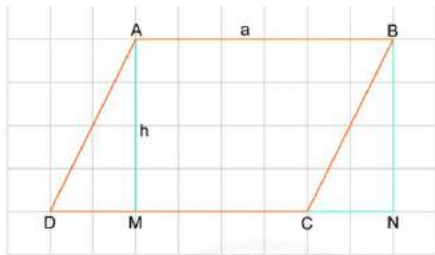
1/ Nhắc lại về chu vi và diện tích một số hình đã học

(Ta kí hiệu P là chu vi, S là diện tích)

Hình chữ nhật		$P = (a + b) \cdot 2$ $S = a \cdot b$
Hình vuông		$P = a \cdot 4$ $S = a \cdot a$
Hình tam giác		$P = a + b + c$ $S = \frac{a \cdot h}{2}$
Hình thang		$P = a + b + c + d$ $S = \frac{(a + b) \cdot h}{2}$

2/ Tính diện tích hình bình hành, hình thoi

a/ Diện tích hình bình hành

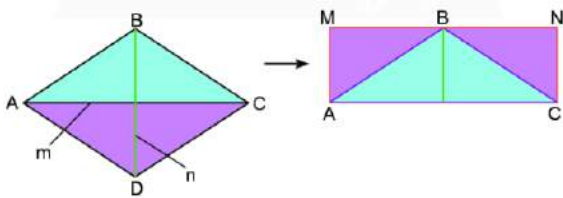


Hình 1

Diện tích hình bình hành có độ dài một cạnh a và chiều cao tương ứng h là $S = a \cdot h$.

Ví dụ 1: Hình bình hành có độ dài cạnh 10 m và chiều cao tương ứng 5 m, có diện tích là:
 $S = 10 \cdot 5 = 50 \text{ (m}^2\text{)}.$

b/ Diện tích hình thoi



Hình 2

Diện tích hình thoi có độ dài hai đường chéo m và n là $S = \frac{m \cdot n}{2}$.

Ví dụ 2: Hình thoi có độ dài hai đường chéo là 40 m và 20 m có diện tích là:

$$S = \frac{40 \cdot 20}{2} = 400 \text{ (m}^2\text{)}.$$

Bài tập 1 SGK/92

Tính diện tích các hình sau:

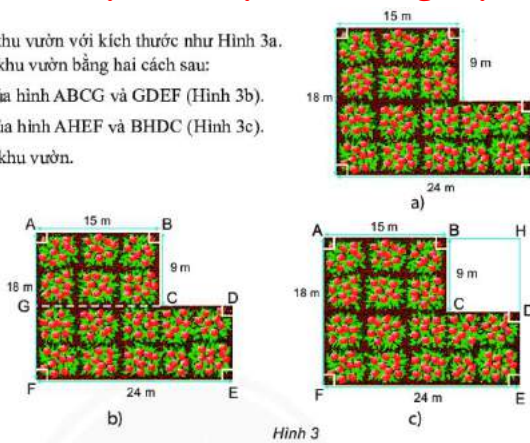
- a/ Hình bình hành có độ dài một cạnh là 20cm và chiều cao tương ứng là 5cm
b/ Hình thoi có độ dài 2 đường chéo tương ứng là 5m và 2m
c/ Hình thang cân có độ dài 2 cạnh đáy là 5m; 3,2m và chiều cao là 4m.

- a) $S = \dots\dots\dots = 100 \text{ cm}^2$
b) $S = \dots\dots\dots = 5 \text{ m}^2$
c) $S = \dots\dots\dots = 16,4 \text{ m}^2$

3/ Tính chu vi và diện tích một hình trong thực tiễn

Vi dụ 3: Cho một khu vườn với kích thước như Hình 3a. Hãy tính diện tích của khu vườn bằng hai cách sau:

- Tính diện tích của hình ABCG và GDEF (Hình 3b).
- Tính diện tích của hình AHEF và BHDC (Hình 3c).
- Tính chu vi của khu vườn.



- Cách 1: Chia nhỏ ra thành các hình đã học, tính diện tích từng hình và cộng lại.
- Cách 2: Thêm vào thành các hình đã học, tính diện tích từng hình và trừ ra.

Giải

a) Diện tích khu vườn bằng tổng diện tích của hai hình chữ nhật ABCG và GDEF.

Vi vậy ta có: $S_{\text{khu vườn}} = S_{\text{ABCG}} + S_{\text{GDEF}} = 15 \cdot 9 + 24 \cdot 9 = 351 \text{ (m}^2\text{)}.$

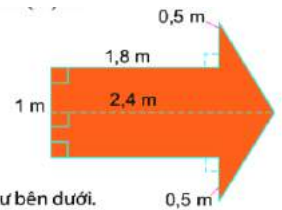
b) Tương tự, ta có: $S_{\text{khu vườn}} = S_{\text{AHEF}} - S_{\text{BHDC}} = 24 \cdot 18 - 9 \cdot 9 = 351 \text{ (m}^2\text{)}.$

c) Ta có $CD = 24 - 15 = 9 \text{ (m)}$; $DE = 18 - 9 = 9 \text{ (m)}$.

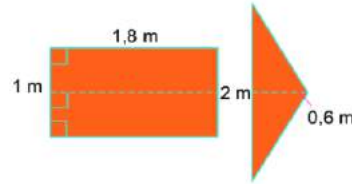
Chu vi khu vườn là $P_{\text{khu vườn}} = AB + BC + CD + DE + EF + FA$
 $= 15 + 9 + 9 + 9 + 24 + 18 = 84 \text{ (m)}$.

Thực hành 1 SGK/91

Trong bãi giữ xe người ta đang vẽ một mũi tên với các kích thước như hình bên để hướng dẫn chiều xe chạy. Tính diện tích hình mũi tên.



Gợi ý: Chia hình mũi tên thành các hình như bên dưới.



Diện tích hình chữ nhật là:

..... = $1,8 \text{ m}^2$

Diện tích hình tam giác là:

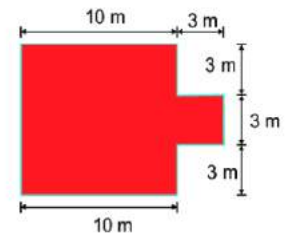
..... = $0,6 \text{ m}^2$

Diện tích hình mũi tên là:

..... = $2,4 \text{ m}^2$

Thực hành 2 SGK/92

Người ta cần xây tường rào cho một khu vườn như hình bên. Mỗi mét tường rào tốn 150 nghìn đồng. Hỏi cần bao nhiêu tiền để xây tường rào?



Chu vi khu vườn là:

..... = 44 m

Số tiền cần để xây tường rào là:

..... = $6\,600\,000 \text{ đồng}$

SỐ NGUYÊN ÂM VÀ TẬP HỢP CÁC SỐ NGUYÊN

1/ Làm quen với số nguyên âm

Số nguyên âm được ghi như sau: -1; -2; -3... và được đọc là âm một; âm hai; âm ba... hoặc trừ một; trừ 2; trừ 3...

vd:

- Các số chỉ nhiệt độ ở dưới mực số 0 có mang dấu trừ
- Các bậc thang có độ cao mang dấu trừ thì nằm ở dưới mực nước

2/ Tập hợp các số nguyên

$$Z = \{ \dots; -3; -2; -1; 0; 1; 2; 3; \dots \}$$

Số nguyên âm

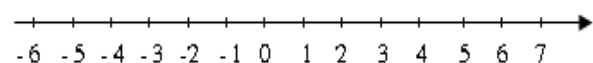
Số không

Số nguyên dương

Ta thường dùng số nguyên để biểu thị các đại lượng có hướng ngược nhau chẳng hạn:

Số nguyên âm	Số nguyên dương
Nhiệt độ dưới 0°C	Nhiệt độ trên 0°C
Số tiền lỗ	Số tiền lãi
Số tiền nợ	Số tiền có
Độ cận thị	Độ viễn thị
Thời gian trước Công nguyên (TCN)	Thời gian Công nguyên (CN)
Độ cao dưới mực nước biển	Độ cao trên mực nước biển

3/ Biểu diễn số nguyên trên trục số

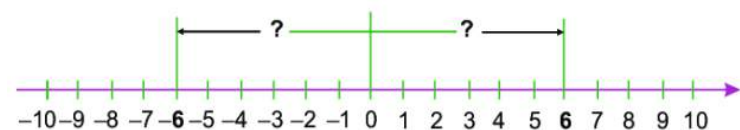


Hình vẽ trên gọi là trục số

- Điểm 0 gọi là điểm gốc của trục.

- Chiều từ trái sang phải gọi là chiều dương, chiều từ phải sang trái gọi là chiều âm của trục số.

4/ Số đối của một số nguyên



Trên trục số, số -6 và số 6 cách điểm 0 là 6 đơn vị

Ta nói: Số 6 và -6 là hai số đối nhau

Định nghĩa: Hai số nguyên trên trục số nằm hai phía của điểm 0 và cách đều điểm 0 được gọi là hai số đối nhau.

Chú ý:

- Số đối của một số nguyên dương là một số nguyên âm.
- Số đối của một số nguyên âm là một số nguyên dương.
- Số đối của 0 là 0 .

Thực hành 2 SGK/51

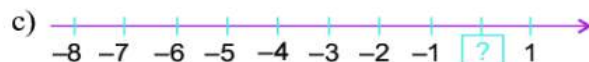
Các phát biểu sau đúng hay sai? Nếu sai hãy phát biểu lại cho đúng.

a) $-4 \in Z$; b) $5 \in Z$; c) $0 \in Z$;

d) $-8 \in N$; e) $6 \in N$; g) $0 \in N$.

Bài 3 SGK/54

Số nguyên nào thích hợp cho các ô trống sau.



Thực hành 2 SGK/51

Tìm số đối của mỗi số 5 ; -4 ; -10 ; 2020

Số đối của 5 là -5

Số đối của -4 là

Số đối của -10 là

Số đối của 2020 là

II/ HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

- HS cần ôn tập các kiến thức trọng tâm trong chương I số tự nhiên.
- Học thuộc công thức tính diện tích các hình đã học, nắm được cách tính chu vi, diện tích của một hình trong thực tiễn.
- Nắm được các kiến thức cơ bản trong bài về tập hợp số nguyên.
- Xem lại các ví dụ, các bài tập đã sửa.
- *Lưu ý: Học sinh làm bài tập và chụp hình gửi phản hồi qua zalo của lớp hoặc gửi cho điều phối viên trong lần sau.*

III/ BÀI TẬP TỰ LUYỆN

Bài 1: Bài 6 (SGK/55) Tìm số đối của các số nguyên -5; -10; 4; -4; 0; -100; 2021

Bài 2: Tìm số tự nhiên x biết:

a) $(x + 20) \cdot 15 = 12 \cdot 20$

b) $120 + 25 \cdot 3 = (x + 23) : 4$

c) $[(6x - 39) : 3] \cdot 28 = 84$

d) $20 - [7 \cdot (x - 3) + 4] = 2$

e) $[(5x - 7) : 2 - 4] \cdot 3 = 45$

f) $[100 - (4x + 9) \cdot 4] : 8 = 2$

Bài 3: Tính:

a) $6^2 : 4 \cdot 3 + 2 \cdot 5^2$

b) $2 \cdot (5 \cdot 4^2 - 18)$

c) $5 \cdot 4^2 - 18 : 3^2$

d) $3^3 \cdot 18 - 3^3 \cdot 12$

e) $17 + 25 \cdot 4 - 3^3$

f) $12 \cdot 5^3 - 162 : 3^2$

g) $4 \cdot 5^2 - 3 \cdot 2^3$

h) $2^2 \cdot 3 - (10^0 + 8) : 3^2$

i) $80 - [130 - (12 - 4)^2]$

j) $120 - [56 - (9 - 4)^2]$

k) $167 + [49 + (13 - 8)^3]$

Bài 4: Thực hiện phép tính:

a) $12 : \{ 390 : [500 - (160 + 35 \cdot 6)] \}$

b) $124 \cdot \{ 1500 : [720 : (3768 - 3744)] \}$

c) $100 - [(64 - 48) \cdot 5 + 88] : 28$

d) $[(25 - 2^2 \cdot 3) + (3^2 \cdot 4 + 16)] : 5$

e) $177 : [2 \cdot (4^2 - 9) + 3^2 (15 - 10)]$

f) $135 \cdot (27 + 73) - 35 \cdot (3^2 \cdot 4 + 64)$

Bài 5: Bài 4 (SGK/48)

4. Trong dịp "Hội xuân", để gây quỹ giúp đỡ các bạn học sinh có hoàn cảnh khó khăn, lớp 6A bán hai mặt hàng (như bảng sau) với mục tiêu số tiền lãi thu được là 500 000 đồng.

STT	Tên hàng	Số lượng đã nhập	Giá nhập	Giá bán
1	Trà sữa	100 li	8 500 đồng	12 000 đồng
2	Dừa	70 quả	9 800 đồng	15 000 đồng

Trong thực tế các bạn đã bán được số lượng hàng như sau: trà sữa bán được 93 li, dừa bán được 64 quả.

Hỏi lớp 6A đã thu được bao nhiêu tiền lãi? Lớp 6A có hoàn thành mục tiêu đã đề ra không?

Bài 6: Một đoàn y tế gồm 240 nam và 140 nữ dự định chia thành các nhóm sao cho số nam và số nữ ở mỗi nhóm đều bằng nhau. Hỏi có thể chia thành nhiều nhất mấy nhóm? Lúc đó mỗi nhóm có mấy nam, mấy nữ ?

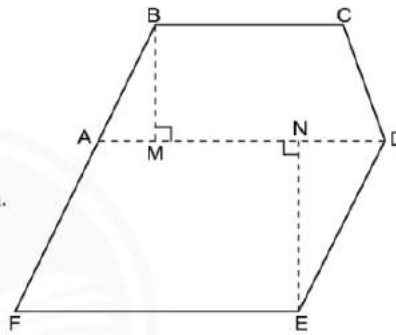
Bài 7: Một số sách nếu xếp thành từng bó 10 quyển, 11 quyển, 13 quyển thì đều dư 1 quyển. Tính số sách đó biết số sách trong khoảng 500 đến 600 quyển.

Bài 8: Bài 3 (SGK/93)

Một mảnh vườn có hình dạng như hình vẽ bên. Để tính diện tích mảnh vườn, người ta chia nó thành hình thang cân ABCD và hình bình hành ADEF có kích thước như sau:

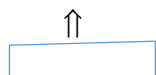
$BC = 30\text{ m}$; $AD = 42\text{ m}$, $BM = 22\text{ m}$, $EN = 28\text{ m}$.

Hãy tính diện tích mảnh vườn này.



Hướng dẫn:

$$S = S_{ABCD} + S_{ADEF}$$



(ABCD là hình chữ nhật) (ADCF là hình bình hành)

Bài 9: Bài 4 (SGK/93)

Một khu vườn hình chữ nhật có chiều dài 25 m, chiều rộng 15 m. Ở giữa khu vườn người ta xây một bồn hoa hình thoi có độ dài hai đường chéo là 5 m và 3 m. Tính diện tích phần còn lại của khu vườn.



Hướng dẫn:

Diện tích phần đất còn lại = Diện tích hình chữ nhật – diện tích phần hình thoi

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 7

TRƯỜNG THCS TRẦN QUỐC TUẤN

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC NGỮ VĂN LỚP 6

Tuần 8

Giáo viên biên soạn Tài liệu học tập và Phiếu hướng dẫn học sinh tự học

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/chủ đề -Khối 6	
Hoạt động 1: Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu. -Những câu hát dân gian về vẻ đẹp quê hương. -Việt Nam quê hương ta. -Kiểm tra thường xuyên 2	<p>CHỦ ĐỀ 3: VẼ ĐẸP QUÊ HƯƠNG (SGK/59)</p> <p>Bài 1: NHỮNG CÂU HÁT DÂN GIAN VỀ VẼ ĐẸP QUÊ HƯƠNG</p> <p>I. TÌM HIỂU CHUNG</p> <p>1. Thể loại: lục bát</p> <p>- Là thể thơ có từ lâu đời, mỗi cặp câu lục bát gồm một dòng 6 tiếng và một dòng 8 tiếng.</p> <p>- Đặc điểm:</p> <p>+ Cách gieo vần</p> <p>+ Ngắt nhịp</p> <p>+ Thanh điệu</p> <p>(Phần này các em có thể đọc thêm tri thức Ngữ văn SGK/60)</p> <p>2. Đọc, tìm hiểu chú thích</p> <p>II. TÌM HIỂU CHI TIẾT</p> <p>1. Bài ca dao 1</p> <p>- 13 câu đầu: nhân vật trữ tình dẫn dắt dạo chơi qua ba mươi sáu phố phường của Hà Nội với niềm tự hào.</p> <p>- 5 câu cuối: sự đông đúc, nhộn nhịp của phố phường Hà Nội thể hiện qua các hình ảnh “phồn hoa”, “phố giăng mắc cửi”, “đường quanh bàn cờ”</p> <p>→ Vẻ đẹp của mảnh đất kinh đô phồn hoa đô hội và tình cảm lưu luyến khi phải xa nơi đây.</p> <p>- Nghệ thuật: liệt kê</p> <p>2. Bài ca dao số 2</p> <p>- Những địa danh lịch sử gắn với những chiến công oanh liệt của dân tộc:</p> <p>+ Bạch Đằng: chiến công ba lần phá tan quân xâm lược trên sông Bạch Đằng.</p> <p>+ Lam Sơn: cuộc khởi nghĩa chống quân Minh của người anh hùng Lê Lợi và nghĩa quân Lam Sơn.</p> <p>→ Vẻ đẹp về truyền thống giữ nước của dân tộc.</p> <p>3. Bài ca dao 3</p> <p>- Giới thiệu vẻ đẹp của vùng đất Bình Định.</p>

- Bài ca dao khắc họa vẻ đẹp của thiên nhiên, gắn với những chiến công lừng lẫy của nghĩa quân Tây Sơn, vẻ đẹp của lòng thủy chung, son sắt của người phụ nữ, vẻ đẹp của món ăn dân dã.
- Điệp từ “có” vừa nhấn mạnh vừa thể hiện niềm tự hào của tác giả về mảnh đất quê hương.
- Nghệ thuật: đặc trưng cho thể thơ lục bát.

4. Bài ca dao số 4

- Điệp từ “sẵn” thể hiện sự trù phú về tôm cá, lúa gạo mà thiên nhiên đã hào phóng ban tặng.

→ niềm tự hào về sự trù phú của vùng đất Tháp Mười

III. TỔNG KẾT

1. Nội dung – Ý nghĩa:

* Nội dung: Các bài ca dao đã thể hiện được vẻ đẹp cảnh vật, con người, truyền thống văn hóa của các vùng miền trên cả nước.

* Ý nghĩa: Thể hiện niềm tự hào, yêu mến với thiên nhiên và con người.

b. Nghệ thuật

- Thể thơ lục bát, ngôn ngữ mộc mạc, giàu hình ảnh.
- Các biện pháp nghệ thuật: liệt kê, điệp từ.

Bài 2: VIỆT NAM QUÊ HƯƠNG TA

I. TÌM HIỂU CHUNG

1. Tác giả

- Nguyễn Đình Thi
- Năm sinh – năm mất: 1924-2003
- Quê quán: Hà Nội
- Chủ đề sáng tác: Ca ngợi quê hương là một chủ đề quan trọng trong thơ ông.

2. Tác phẩm (SGK/64;65)

3. Đọc, tìm hiểu chú thích

- Thể thơ: lục bát

4. Bố cục: 2 phần

- Phần 1: vẻ đẹp thiên nhiên (4 câu đầu)
- Phần 2: vẻ đẹp con người (còn lại)

II. TÌM HIỂU CHI TIẾT

1. Vẻ đẹp thiên nhiên

- Gọi tả vẻ đẹp của thiên nhiên từ vùng núi cao đến đồng bằng bao la, mênh mông, rộng lớn.
- Hình ảnh “biển lúa” gợi ra sự giàu đẹp, trù phú của quê hương.
- Nghệ thuật: so sánh kết hợp đảo ngữ, ẩn dụ bao quát bức tranh thiên nhiên rộng lớn.

2. Vẻ đẹp con người

- Vất vả, cần cù trong lao động: chịu nhiều đau thương, vất vả in sâu gắn liền với đồng ruộng.
- Kiên cường, anh dũng trong chiến đấu nhưng rất đỗi hiền lành, giản dị, chất phác.
- Vẻ đẹp thủy chung, son sắt: yêu ai yêu trọn tâm tình thủy chung.
- Vẻ đẹp khéo léo, chăm chỉ trong lao động: tay người như có phép tiên
- Nghệ thuật: ẩn dụ, hoán dụ, so sánh nhằm khắc họa, tô đậm vẻ đẹp của con người Việt Nam.

→ Thể hiện niềm tự hào, yêu mến của tác giả và trân trọng đối với quê hương.

III. TỔNG KẾT

1. Nội dung – Ý nghĩa:

- Bài thơ ca ngợi vẻ đẹp thiên nhiên và con người Việt Nam: cần cù, chịu khó, kiên cường, dũng cảm, thủy chung, tài hoa.
- Thể hiện sự tự hào, trân trọng, yêu mến của tác giả với những vẻ đẹp của quê hương, con người Việt Nam.

2. Nghệ thuật

- Thể thơ lục bát, ngôn ngữ giản dị mà ẩn ý, sâu sắc.
- Nghệ thuật tu từ so sánh, hoán dụ, ẩn dụ.

Bài 3: NỘI DUNG KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN 2

1/ Văn bản: Thánh Gióng, Sự tích Hồ Gươm, Em bé thông minh, Sọ Dừa.

2/ Tiếng Việt: -Từ đơn và từ phức (từ ghép, từ láy) SGK/18;19;27;28

-Thành ngữ (SGK/19)

-Đặc điểm và chức năng liên kết của trạng ngữ (SGK/38;48)

Hoạt động 2:
Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.

Bài 1: NHỮNG CÂU HÁT DÂN GIAN VỀ VẺ ĐẸP QUÊ HƯƠNG

Câu 1: Bài ca dao 2 giới thiệu vẻ đẹp gì của quê hương? Cảm xúc của tác giả dân gian về quê hương được thể hiện như thế nào qua bài ca dao này?

Câu 2: Em hãy chỉ ra của thể thơ lục bát thể hiện qua bài ca dao 3.

Bài 2: VIỆT NAM QUÊ HƯƠNG TA

Câu 1: Tình cảm của tác giả đối với quê hương, đất nước được thể hiện như thế nào trong văn bản? Hãy chỉ ra một số từ ngữ, hình ảnh thể hiện trực tiếp tình cảm ấy.

Câu 2: Văn bản gợi cho em suy nghĩ và cảm xúc gì về con người và cảnh sắc quê hương?

Bài 3: NỘI DUNG KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN 2

-Phần Văn bản: Các em đọc lại thật kĩ 4 văn bản: Thánh Gióng, Sự tích Hồ Gươm, Sọ Dừa, Em bé thông minh.

-Phần tiếng Việt: Các em xem lại phần lí thuyết và các các bài tập thực hành tiếng Việt.

-Tuần 8 kiểm tra thường xuyên những nội dung trên.

2. Giáo viên hướng dẫn học sinh ghi chép lại các câu hỏi thắc mắc, các trở ngại của học sinh khi thực hiện các nhiệm vụ học tập.

Trưởng:

Lớp:

Họ tên học sinh:

Môn	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
Văn	Mục: NHỮNG CÂU HÁT DÂN GIAN VỀ VẺ ĐẸP QUÊ HƯƠNG Mục: VIỆT NAM QUÊ HƯƠNG TA Mục: NỘI DUNG KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN 2	1 2 3

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 7
TRƯỜNG THCS TRẦN QUỐC TUẤN

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC NGỮ VĂN LỚP 6

Tuần 9

Giáo viên biên soạn Tài liệu học tập và Phiếu hướng dẫn học sinh tự học

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/chủ đề -Khối 6	
Hoạt động 1: Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu. -Đứng bên ni đồng, ngó bên tê đồng... -Thực hành tiếng Việt	<p>Chủ đề 3: VẼ ĐẸP QUÊ HƯƠNG</p> <p>Bài 1: ĐỨNG BÊN NI ĐỒNG, NGÓ BÊN TÊ ĐỒNG...</p> <p>I. TÌM HIỂU CHUNG</p> <p>1. Tác giả</p> <ul style="list-style-type: none">- Tên: Bùi Mạnh Nhị- Năm sinh – năm mất: 1955- Quê quán: Nam Định <p>2. Tác phẩm</p> <ul style="list-style-type: none">- Xuất xứ: Trích Bình giảng ca dao (1992). <p>II. TÌM HIỂU CHI TIẾT</p> <p>1. Đọc, chú thích</p> <p>2. Bố cục: 4 phần</p> <p>3. Phân tích</p> <p>3.1. Nêu ý kiến: Bài ca dao có hai vẻ đẹp.</p> <ul style="list-style-type: none">- Nêu ra cái đẹp, cái hay của bài ca dao: <p>+ Hai cái đẹp: cánh đồng lúa mênh mông và cô gái thăm đồng trẻ trung, duyên dáng</p> <p>→ Đề được miêu tả rất hay.</p> <p>3.2. Phân tích bài ca dao</p> <ul style="list-style-type: none">- Ý kiến tác giả: không nên chia 2 phần để phân tích. <p>+ Ngay 2 câu đầu, cô gái đã xuất hiện: cô gái đã miêu tả, giới thiệu rất cụ thể chỗ đứng cũng như cách quan sát cánh đồng.</p>

+ Cụm từ "mênh mông bát ngát" được đặt vị trí cuối 2 câu đầu và có sự đảo vị trí.

→ Cô gái hiện lên năng động, tích cực: đứng bên ni đồng rồi lại đứng bên tê đồng, ngắm nhìn cảnh vật từ nhiều phía như muốn thu tóm, cảm nhận cả cánh đồng bát ngát.

* Hai câu đầu bài ca dao

- Cả 2 câu đều không có chủ ngữ.

→ Người nghe đồng cảm, như cùng cô gái đi thăm đồng, cùng vị trí đứng và ngắm nhìn.

- Cảm giác về sự mênh mông, bát ngát cũng lan truyền sang người đọc một cách tự nhiên.

→ Cảm giác như chính bản thân cảm nhận và nói lên.

⇒ Cái nhìn khái quát cảnh vật.

- Nghệ thuật:

+ Điệp từ, điệp cấu trúc "đứng bên ni đồng", "đứng bên tê đồng", "ngó", "bát ngát", "mênh mông".

+ Đảo ngữ.

* Hai câu cuối bài ca dao

- Tập trung ngắm nhìn, quan sát, đặc tả "chẽn lúa đòng đòng" đang phát phơ dưới "ngọn nắng hồng ban mai". Ngọn nắng cũng được coi là một hoán dụ của Mặt Trời.

→ Miêu tả cảnh vật tươi đẹp của thiên nhiên, đất nước.

- Tả "chẽn lúa đòng đòng" trong mối liên hệ so sánh với bản thân.

→ Cô gái có vẻ đẹp đầy đặn sức sống.

- Cuối cùng khẳng định lại "Bài ca dao quả là bức tranh tuyệt đẹp và giàu ý tưởng".

⇒ Cái nhìn chi tiết, bộ phận.

3.3. Cảm nhận của tác giả

- Sự yêu mến, trân trọng với vẻ đẹp của thiên nhiên và con người quê hương.

- Thể hiện sự bất ngờ, thú vị bởi sự sâu sắc của bài thơ

III. TỔNG KẾT

1. Nội dung – Ý nghĩa:

* Nội dung: Qua Vẻ đẹp của một bài ca dao, Hoàng Tiến Tựu đã nêu lên ý kiến của mình về vẻ đẹp cũng như bố cục của một bài ca dao.

b. Nghệ thuật

- Nghệ thuật phân tích sâu sắc.

Bài 2. THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

I. LỰA CHỌN TỪ NGỮ

1. Tại sao phải lựa chọn từ ngữ phù hợp với việc thể hiện nghĩa của VB?

- Khi nói hoặc viết, người nói (viết) thường phải huy động vốn từ ngữ đã được tích lũy (trong đó có những từ ngữ đồng nghĩa, gần nghĩa) để lựa chọn những từ ngữ phù hợp nhất với việc thể hiện nội dung của văn bản.

2. Cách lựa chọn từ ngữ thích hợp khi nói hoặc viết

- Xác định nội dung cần diễn đạt.

- Huy động các từ ngữ đồng nghĩa, gần nghĩa; từ đó lựa chọn những từ ngữ có khả năng diễn đạt chính xác nhất nội dung muốn thể hiện.

- Chú ý khả năng kết hợp hài hòa giữa từ ngữ được lựa chọn với những từ ngữ được sử dụng trước và sau nó trong cùng một câu (đoạn) văn.

3. Tác dụng

- Lựa chọn từ ngữ phù hợp với việc thể hiện nghĩa của văn bản giúp diễn đạt chính xác và hiệu quả điều mà người nói (viết) muốn thể hiện.

II. BÀI TẬP

Làm mẫu bài tập 1/ trang 67

a. Từ “phồn hoa”: cảnh sống giàu có, xa hoa .

- “phồn vinh” : thường được dùng miêu tả đất nước ở vào giai đoạn giàu có, thịnh vượng.

- → Vì vậy, câu thơ này chỉ cảnh buôn bán tấp nập, giàu có của mảnh đất kinh thành xưa nên dùng từ “phồn hoa” là thích hợp nhất.

- b. Tác giả sử dụng biện pháp tu từ so sánh phổ - mắc cửi, đường – bàn cờ => → giúp người đọc hình dung được tính chất sầm uất, đông vui của phố thị.

- c. Từ láy “ngân nga” thể hiện trạng thái bị cuốn hút đến ngỡ ngàng của tác giả trước vẻ xa hoa, sầm uất của phố phường.

- d. Từ “bút hoa” thể hiện tài năng xuất sắc của người làm nên bài thơ sử dụng từ này có ý nghĩa và hay hơn so với từ “bút đây”.

Bài tập 2 (Các em làm tương tự như bài tập 1)

Bài tập 3 (Các em cần hiểu nghĩa của từ ngữ để điền vào dấu...cho phù hợp.

Bài tập 4: (Các em cần xem lại kiến thức từ láy để thực hiện)

Hoạt động 2:
Kiểm tra, đánh giá
quá trình tự học.

Bài 1: ĐÚNG BÊN NI ĐỒNG, NGÓ BÊN TÊ ĐỒNG...

Câu hỏi: Bài viết đã thể hiện được cảm xúc gì của tác giả khi đọc bài ca dao?
Nêu một số chi tiết trong văn bản làm căn cứ cho ý kiến của em.

Bài 2: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

-Các em hoàn thành các bài tập 1,2,3,4 (SGK/67;68;69)

-Tìm năm đến sáu hình ảnh của quê hương Việt Nam trên Internet hoặc sách báo để làm một tập ảnh về quê hương, đất nước hoặc nơi em sinh sống. Viết đoạn văn (từ 159 đến 200 chữ) để giới thiệu tập ảnh đó với người xem (Lưu ý: nêu rõ nguồn tìm kiếm hình ảnh.)

2. Giáo viên hướng dẫn học sinh ghi chép lại các câu hỏi thắc mắc, các trở ngại của học sinh khi thực hiện các nhiệm vụ học tập.

Trường:

Lớp:

Họ tên học sinh:

Môn	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
Văn	Mục: Đứng bên ni đồng, ngó bên tê đồng Mục: Thực hành tiếng Việt	1 2 3

CHỦ ĐỀ 3: OXIGEN VÀ KHÔNG KHÍ

Bài 10: KHÔNG KHÍ VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG KHÔNG KHÍ

1. Thành phần không khí



▲ Hình 10.1. Bản tin dự báo thời tiết về độ ẩm không khí

- Trong bản tin dự báo thời tiết thường có dự báo về độ ẩm của không khí (hình 10.1). Điều đó chứng tỏ trong không khí chứa chất gì? Chất đó được tạo ra từ đâu?

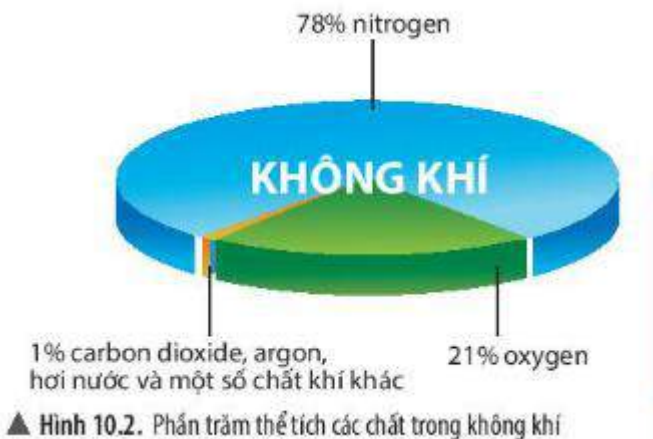
.....

.....

.....

.....

.....

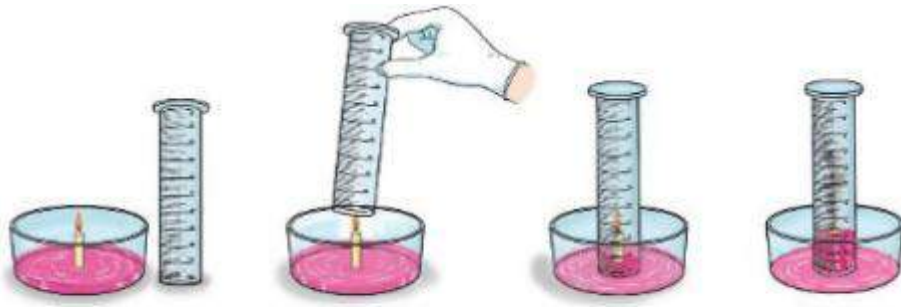


▲ Hình 10.2. Phần trăm thể tích các chất trong không khí

- Quan sát biểu đồ hình 10.2, em hãy cho biết không khí là một chất hay hỗn hợp nhiều chất.

.....

.....



▲ Hình 10.3. Thí nghiệm xác định thành phần phần trăm thể tích của oxygen trong không khí

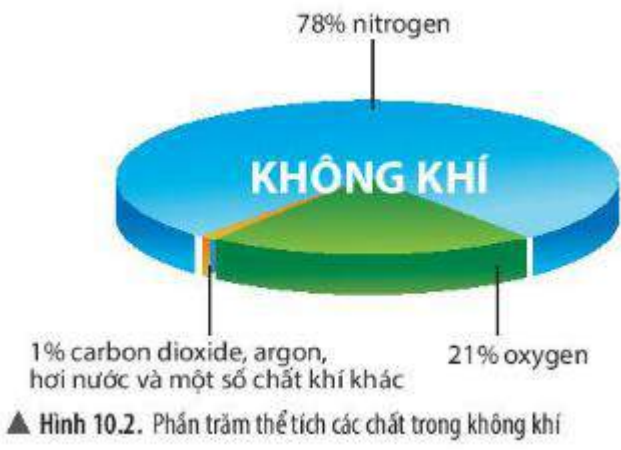
- Không khí có duy trì sự cháy và sự sống không? Vì sao?
- Tỷ lệ thể tích khí oxygen và nitrogen trong không khí là bao nhiêu?
- Quan sát thí nghiệm (hình 10.3), nếu úp ống thủy tinh vào ngọn nến đang cháy thì ngọn nến có tiếp tục cháy không? Giải thích.

.....

.....

.....

.....



▲ Hình 10.2. Phần trăm thể tích các chất trong không khí

- Sau khi ngọn nến tắt, mực nước trong ống thủy tinh thay đổi như thế nào? Giải thích.
- Từ kết quả thí nghiệm, xác định phần trăm thể tích của oxygen trong không khí. So sánh với kết quả trong biểu đồ hình 10.2.

.....

.....

.....

2. Vai trò của không khí trong tự nhiên

- Từ hiểu biết của mình, em hãy cho biết không khí có vai trò gì trong cuộc sống

.....

3. Ô nhiễm không khí



▲ Hình 10.4. Ô nhiễm không khí ở thành phố



▲ Hình 10.5. Ô nhiễm không khí ở nông thôn

- Em đã bao giờ ở trong khu vực không khí bị ô nhiễm chưa? Không khí lúc đó có đặc điểm gì?
- Em hãy tìm hiểu và cho biết những tác hại do không khí bị ô nhiễm gây ra?

.....
.....
.....

4. Nguyên nhân gây ô nhiễm không khí



▲ Hình 10.6. Cháy rừng



▲ Hình 10.7. Núi lửa



▲ Hình 10.8. Nhà máy nhiệt điện



▲ Hình 10.9. Phương tiện giao thông sử dụng nhiên liệu xăng, dầu



▲ Hình 10.10. Đốt rơm rạ sau vụ gặt



▲ Hình 10.11. Vận chuyển vật liệu xây dựng không che bạt

Nguồn gây ô nhiễm không khí	Con người hay tự nhiên gây ra ô nhiễm?	Chất chủ yếu gây ô nhiễm không khí
Cháy rừng	Con người/ Tự nhiên	Tro, khói, bụi
Núi lửa	?	?
Nhà máy nhiệt điện	?	?
Phương tiện giao thông chạy xăng, dầu	?	?
Đốt rơm rạ	?	?
Vận chuyển vật liệu xây dựng	?	?

BẢNG 10.1

- Em hãy liệt kê các nguồn gây ô nhiễm không khí
- Em hãy tìm hiểu và cho biết những chất nào gây ô nhiễm không khí
- Quan sát các hình 10.6 đến 10.11, em hãy điền thông tin theo mẫu bảng 10.1

.....

5. Bảo vệ môi trường không khí

- Có thể giảm thiểu tình trạng ô nhiễm không khí được không? Để làm được điều đó chúng ta cần phải làm gì?
 - Em hãy nêu một số nguồn gây ô nhiễm không khí và đề xuất biện pháp khắc phục
 - Khi đang ở trong khu vực không khí bị ô nhiễm, em cần làm gì để bảo vệ sức khỏe bản thân và gia đình?

.....

BÀI TẬP

- 1. Các nguồn gây ô nhiễm không khí chủ yếu là gì? Nêu các biện pháp nhằm giảm thiểu ô nhiễm không khí?**
- 2. Ô nhiễm không khí ảnh hưởng như thế nào đến sức khỏe con người? Em hãy đề xuất một số biện pháp nhằm bảo vệ bầu không khí ở trường học hoặc nơi ở của em.**
- 3. Em hãy giải thích vì sao lượng oxygen trong không khí hầu như không đổi mặc dù hàng ngày con người dùng rất nhiều oxygen cho nhu cầu hô hấp và sản xuất trong công nghiệp.**
- 4. Thiết kế một áp phích ở dạng tranh cổ động để tuyên truyền mọi người bảo vệ môi trường không khí nơi ở của mình.**

Hướng dẫn giải

1. Một số nguồn gây ô nhiễm không khí: cháy rừng, núi lửa, khí thải nhà máy, khí thải động cơ xe cộ tham gia giao thông, rác thải,...

Biện pháp:

- Di chuyển các cơ sở sản xuất công nghiệp, thủ công nghiệp ra ngoài thành phố và khu dân cư; thay thế máy móc, dây chuyền công nghệ sản xuất bằng công nghệ hiện đại, ít gây ô nhiễm hơn.
- Xây dựng các hệ thống xử lý khí thải gây ô nhiễm môi trường,
- Sử dụng các nguồn nguyên liệu sạch thay thế than đá, dầu mỏ, ... để giảm thiểu khí carbon monoxide và carbon dioxide khi đốt cháy.
- Che đậy cẩn thận khi vận chuyển vật liệu xây dựng
- Giảm phương tiện giao thông cá nhân, tăng cường đi bộ, đi xe đạp và sử dụng các phương tiện giao thông công cộng.
- Trồng thêm nhiều cây xanh.
- Lắp đặt các trạm theo dõi tự động môi trường không khí, kiểm soát khí thải ô nhiễm

2. Ô nhiễm không khí ảnh hưởng đến sức khỏe con người:

- Sulfur Dioxide tác động đến sức khỏe con người làm gia tăng hô hấp, khó thở, ở một lượng lớn sẽ dẫn đến tử vong.
- Nitơ dioxit gây ra bệnh phổi, hen suyễn, phổi tắc nghẽn mãn tính và ung thư phổi.
- Carbon Monoxit làm giảm oxy trong máu, tổn thương thần kinh. Ngộ độc do hít phải nhiều khí CO có thể dẫn đến nhức đầu, buồn nôn, thậm chí hôn mê gây tử vong.
- Hợp chất hữu cơ dễ bay hơi (VOCs): được sản sinh trong quá trình đốt cháy nhiên liệu, thuốc lá ảnh hưởng nặng tới hệ thần kinh, gây bệnh phổi, hen suyễn và là một trong những nguyên nhân gây ung thư.
- Bụi mịn xâm nhập vào phổi và tim gây ra bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính, suy tim và đột quỵ.
- Chlorofluoro Carbons gây bệnh ung thư da, các bệnh về mắt ở người và phá hủy cây trồng.

- Amoniac có khả năng ăn mòn và độc hại, có thể gây hại cho người.

Một số biện pháp bảo vệ không khí ở trường học hoặc nơi ở:

- Đảm bảo vệ sinh thường xuyên, thông thoáng khí trong phòng:
- Mở cửa thông gió trong vòng 5 — 10 phút vài lần trong ngày, đặc biệt là trong và sau khi nấu ăn; nên sử dụng các thiết bị hút mùi, thu khói hỗ trợ.
- Không hút thuốc trong nhà.
- Hạn chế khi sử dụng hoá chất như: chất tẩy rửa, chất làm mát không khí
- Không sưởi đốt bằng than củi, than đá, ... cũng như chạy máy phát điện trong phòng kín.

3. Bởi vì các loài thực vật thực hiện quang hợp đã cho ra O_2 như một sản phẩm thải. Nhờ đó mà oxy luôn được cung cấp.

4. Học sinh tự thực hiện

CHỦ ĐỀ 4: MỘT SỐ VẬT LIỆU, NHIÊN LIỆU, NGUYÊN LIỆU, LƯƠNG THỰC – THỰC PHẨM THÔNG DỤNG; TÍNH CHẤT VÀ ỨNG DỤNG CỦA CHÚNG

Bài 11: MỘT SỐ VẬT LIỆU THÔNG DỤNG

1. Một số vật liệu thông dụng



▲ Hình 11.1. Một số vật liệu thường gặp

- Kể tên một số loại vật liệu trong cuộc sống mà em biết
- Liệt kê các loại đồ vật hoặc công trình xây dựng được làm từ những vật liệu trong hình 11.1

.....

.....

.....



▲ Hình 11.2. Một số vật dụng quen thuộc

- Quan sát mẫu dây điện, phin cà phê, đồ chơi lego, dây phanh xe đạp, tủ quần áo ở hình 11.2, em hãy cho biết các sản phẩm đó được làm từ vật liệu gì? Tích dấu V để hoàn thành theo mẫu bảng 11.1

▼ Bảng 11.1. Vật dụng làm từ các vật liệu

Vật dụng \ Vật liệu	Đồng (Copper)	Nhôm (Aluminium)	Sắt	Nhựa	Cao su	Gỗ
Dây điện	?	?	?	?	?	?
Phin pha cà phê	?	?	?	?	?	?
Đồ chơi lego	?	?	?	?	?	?
Dây phanh xe đạp	?	?	?	?	?	?
Lốp xe đạp	?	?	?	?	?	?
Tủ quần áo	?	?	?	?	?	?

2. Một số tính chất và ứng dụng của vật liệu

▼ Bảng 11.2. Một số tính chất của vật liệu

Vật liệu \ Tính chất	Cứng	Đẻo	Giòn	Đàn hồi	Dẫn điện, nhiệt tốt	Dễ cháy	Bị gỉ	Bị ăn mòn
Kim loại	?	?	?	?	?	?	?	?
Cao su	?	?	?	?	?	?	?	?
Nhựa	?	?	?	?	?	?	?	?
Gỗ	?	?	?	?	?	?	?	?
Thủy tinh	?	?	?	?	?	?	?	?
Gốm	?	?	?	?	?	?	?	?

- Từ quan sát thực tế, em hãy cho biết một số tính chất của các vật liệu: kim loại, cao su, nhựa, gỗ, thủy tinh và gốm. Tích dấu V để hoàn thành theo mẫu bảng 11.2

Thí nghiệm 1: Rót một ít giấm ăn vào các cốc thủy tinh lần lượt chứa các vật liệu sau: đinh sắt, miếng kính, miếng nhựa, miếng cao su, mẩu đá vôi và mẩu sành. Quan sát hiện tượng xảy ra.

- Em hãy mô tả hiện tượng quan sát được ở thí nghiệm 1.

.....
.....

Thí nghiệm 2: Lần lượt đốt nóng các vật liệu sau trên ngọn lửa đèn cồn (sử dụng kẹp sắt để kẹp vật liệu khi đốt): đinh sắt, dây đồng, mẩu gỗ, mẩu nhôm, miếng nhựa và mẩu sành. Chú ý khi kẹp sắt có dấu hiệu nóng thì không đốt nữa và cho vật liệu vào chậu nước tránh bị bỏng.

- Quan sát hình 11.3, 11.4 và 11.5, em hãy cho biết những vật liệu nào dễ bị ăn mòn, bị hoen gỉ dẫn đến hư hỏng công trình, vật dụng. Nêu nguyên nhân dẫn đến sự hư hỏng đó.



▲ Hình 11.3. Cầu sắt bị hoen gỉ theo thời gian



▲ Hình 11.4. Vỏ tàu biển bị ăn mòn



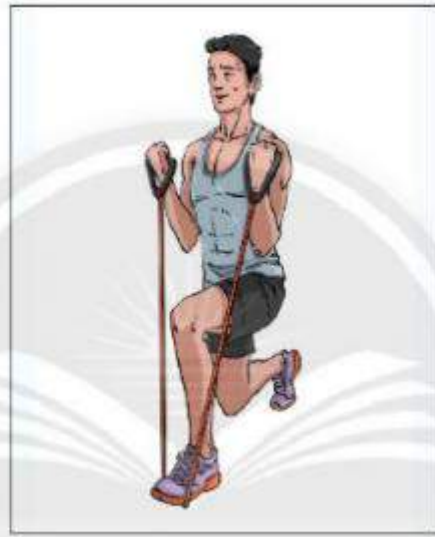
▲ Hình 11.5. Xe đạp bị hoen gỉ một số bộ phận

- Quan sát thí nghiệm 2, em hãy cho biết vật liệu nào dễ cháy và vật liệu nào dẫn nhiệt (cảm nhận qua dấu hiệu kẹp sắt bị nóng khi đốt).

.....
.....
.....



▲ Hình 11.6. Chơi bóng cao su



▲ Hình 11.7. Dây kéo đàn hồi tập thể lực

- Đập quả bóng cao su xuống mặt đường hoặc ném vào tường sẽ xảy ra hiện tượng gì?
- Kéo căng một sợi dây cao su rồi buông tay, em có nhận xét gì?
- Quan sát hình 11.6, 11.7 và các thí nghiệm 3, 4, em hãy rút ra tính chất quan trọng của cao su. Kể tên một số ứng dụng của cao su.

.....
.....
.....

Thí nghiệm 3: Cho một đoạn dây cao su vào cốc nước nóng, sau đó lấy ra rồi cho vào cốc nước nguội. Quan sát sự thay đổi hình dạng của dây cao su.

Thí nghiệm 4: Cho một viên tẩy nhỏ (cao su) vào cốc xăng. Quan sát hiện tượng xảy ra

- Tại sao vỏ dây điện thường được làm bằng nhựa hoặc cao su nhưng lõi dây điện làm bằng kim loại?

.....
.....
.....

3. Sử dụng vật liệu an toàn, hiệu quả và đảm bảo sự bền vững

- Từ thực tế dùng với việc tìm hiểu thông tin qua sách báo và internet, em hãy cho biết cách sử dụng đồ vật bằng nhựa an toàn, hiệu quả.
- Em hãy tìm hiểu và cho biết cách sử dụng đồ vật bằng cao su an toàn, hiệu quả.
- Những biện pháp nào được sử dụng để hạn chế sự hoen gỉ của kim loại?
- Hãy kể tên một số vật liệu mới được sử dụng trong xây dựng đảm bảo phát triển bền vững
- Hãy cho biết ưu điểm của một số vật liệu mới so với vật liệu truyền thống trong xây dựng

- Vật dụng nào sau đây được xem là thân thiện với môi trường: pin, máy tính, túi nilông, ống hút làm từ bột gạo

.....

.....

.....

.....

BÀI TẬP

1. Điền thông tin theo mẫu bảng sau:

STT	Tên vật liệu	Đặc điểm/ Tính chất	Công dụng
1	Kim loại	?	?
2	?	Có tính dẻo và đàn hồi	?
3	?	?	Làm cửa kính, bể cá, ...

2. Vật liệu nào dưới đây được sử dụng ngoài mục đích xây dựng còn hướng tới bảo vệ môi trường và đảm bảo phát triển bền vững:

- A. Gỗ tự nhiên B. Kim loại
C. Gạch không nung D. Gạch chịu lửa

3. Thiết kế một tấm áp phích tuyên truyền việc sử dụng vật liệu tái chế để tạo ra những sản phẩm có ứng dụng trong cuộc sống hàng ngày.

HƯỚNG DẪN GIẢI



1. Hoàn thành bảng

STT	Tên vật liệu	Đặc điểm/ Tính chất	Công dụng
1	Kim loại	Tính dẫn điện, dẫn nhiệt, dễ bị ăn mòn, bị gỉ	Làm vật liệu xây dựng, làm lõi dây điện, ...
2	Cao su	Có tính dẻo và đàn hồi	Làm dụng cụ thể thao (bóng, dây nhảy, ...), làm lốp xe, ...
3	Thủy tinh	Không dẫn điện, không dẫn nhiệt, ít bị ăn mòn và không bị gỉ	Làm cửa kính, bể cá

2. Chọn đáp án D

3. Học sinh tự thực hiện

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC MÔN CÔNG NGHỆ 6

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề:	CHƯƠNG I: NHÀ Ở ÔN TẬP KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 1
Khối lớp	Khối lớp 6 – Tuần 8-9
<p>Hoạt động 1: Học sinh đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu</p>	<p>1/ VAI TRÒ CỦA NHÀ Ở</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà ở là nơi trú ngụ của con người, bảo vệ con người tránh khỏi những ảnh hưởng xấu của thiên nhiên, môi trường - Nhà ở là nơi đáp ứng các nhu cầu sinh hoạt của các thành viên trong gia đình <p>2/ ĐẶC ĐIỂM CHUNG CỦA NHÀ Ở</p> <p><u>a/ Cấu tạo chung của nhà ở</u></p> <p>Nhà ở thường cấu tạo bởi 3 phần chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phần móng nhà: nằm sâu dưới mặt đất, có nhiệm vụ chống đỡ các bộ phận bên trên của ngôi nhà. - Phần thân nhà: gồm các bộ phận nằm trên mặt đất, tạo nên kiến trúc của ngôi nhà như cột nhà, tường nhà, dầm nhà, sàn gác... - Phần mái nhà: phần nằm trên cùng của ngôi nhà, che phủ và bảo vệ các bộ phận bên dưới. <p><u>b/ Các khu vực chính trong ngôi nhà</u></p> <p>Mỗi một ngôi nhà thường có các khu vực chính như: nơi tiếp khách, nơi sinh hoạt chung, nơi học tập, nơi nghỉ ngơi, nơi nấu ăn, nơi vệ sinh...</p> <p>3/ MỘT SỐ KIẾN TRÚC NHÀ ĐẶC TRƯNG CỦA VIỆT NAM</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khu vực nông thôn: nhà ba gian truyền thống; kiểu nhà riêng lẻ, một hay nhiều tầng, mái ngói hoặc bê tông, xung quanh nhà thường có sân vườn <div style="display: flex; justify-content: space-around;">   </div> <ul style="list-style-type: none"> - Thành thị (thành phố) nhà liền kề, nhà chung cư, nhà biệt thự...



Nhà liền kề



Nhà chung cư



Nhà biệt thự

- Các khu vực khác: nhà sàn ở miền núi, nhà nổi ở vùng sông nước...



Nhà sàn



Nhà nổi

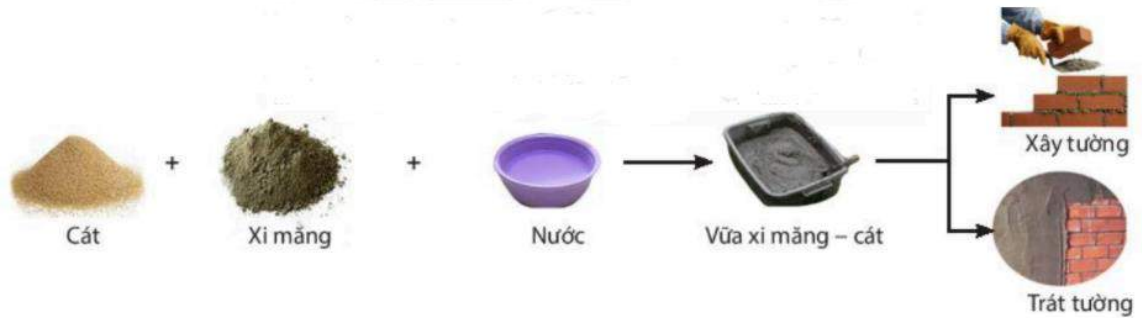
4/ VẬT LIỆU XÂY DỰNG NHÀ

Vật liệu xây dựng nhà là tất cả các loại vật liệu dùng trong xây dựng nhà và các công trình khác. Chủ yếu bao gồm:

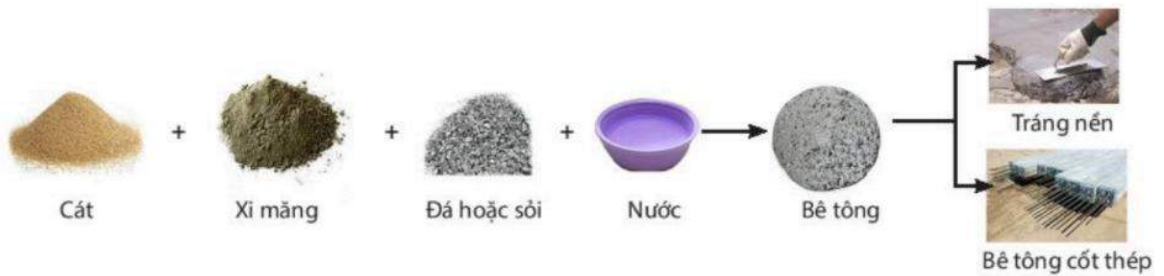
- Vật liệu có sẵn trong tự nhiên: cát, đá, sỏi, gỗ, tre, lá dừa..
- Vật liệu nhân tạo: gạch, ngói, vôi, xi măng, thép, nhôm, kính...

Các vật liệu như tre, nứa, lá ... thường được sử dụng để xây những ngôi nhà nhà, cấu trúc đơn giản

Các vật liệu như xi măng, cát, gạch, thép... thường được sử dụng để xây dựng những ngôi nhà lớn, kiên cố, các công trình nhiều tầng, nhiều phòng hoặc chung cư



Hình 1.7. Trộn vữa xi măng - cát



Hình 1.8. Trộn bê tông

- Hỗn hợp vữa gồm: xi măng, cát và nước. Khi vữa khô chúng sẽ đông cứng. Được dùng để kết dính các vật liệu khác khi xây dựng nhà, dùng để trát làm láng tường hoặc nền nhà



Hỗn hợp vữa xi măng- cát



Liên kết các viên gạch



Trát láng tường

- Hỗn hợp bê tông gồm: cát, xi măng, nước và pha trộn thêm đá hoặc sỏi. Hỗn hợp bê tông có độ cứng cao hơn vữa. Khi xây dựng những tòa nhà lớn, người ta còn kết hợp bê tông với cốt thép để tạo ra kết cấu bê tông cốt thép rất rắn chắc dùng để xây nền, móng và làm cột trụ của ngôi nhà.

5/ CÁC NGUỒN NĂNG LƯỢNG THƯỜNG DÙNG TRONG NGÔI NHÀ

Con người thường sử dụng năng lượng điện, năng lượng chất đốt để thực hiện các hoạt động hằng ngày trong gia đình

- Điện là nguồn cung cấp năng lượng cho nhiều loại đồ dùng điện để chiếu sáng, nấu ăn, giặt, ủi, học tập, giải trí...
- Chất đốt thường được sử dụng để nấu ăn, sưởi ấm và cũng có thể được dùng để chiếu sáng cho ngôi nhà.
- Ngoài ra người ta còn sử dụng năng lượng mặt trời, năng lượng gió để chiếu sáng, phơi khô... hoặc tạo ra điện dùng để vận hành các đồ dùng điện trong gia đình.

6/ SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TIẾT KIỆM HIỆU QUẢ

Lí do cần sử dụng tiết kiệm năng lượng

- Việc khai thác tài nguyên thiên nhiên để sản xuất năng lượng góp phần gây ra nhiều tác hại như: cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên, ô nhiễm môi trường sống, sinh ra khí thải cacbonic, biến đổi khí hậu gây lũ lụt, hạn hán
- Chúng ta cần sử dụng tiết kiệm năng lượng để giảm chi phí, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên đồng thời góp phần bảo vệ môi trường, bảo vệ sức khỏe cho gia đình và cho cộng đồng

7/ KHÁI NIỆM NGÔI NHÀ THÔNG MINH

Là ngôi nhà được trang bị hệ thống điều khiển tự động hoặc bán tự động để các thiết bị, đồ dùng trong nhà có thể tự động hoạt động theo ý muốn của chủ nhà.

8/ ĐẶC ĐIỂM CỦA NGÔI NHÀ THÔNG MINH

- Tiện ích: có hệ thống điều khiển các đồ dùng điện của ngôi nhà tự động hoạt động theo chương trình cài đặt sẵn

	<ul style="list-style-type: none"> - An ninh, an toàn: có thể giám sát ngôi nhà và điều khiển các đồ dùng điện trong nhà từ xa bằng phần mềm cài đặt trên điện thoại, máy tính bản hoặc máy tính xách tay - Tiết kiệm năng lượng: tận dụng tối đa năng lượng từ gió tự nhiên và ánh sáng mặt trời
Ghi chép	Em hãy ghi chép các nội dung trên thật cẩn thận vào tập
Hoạt động 2: Dặn dò	Học thật kỹ các nội dung trên, tuần 10 sẽ kiểm tra giữa học kì 1

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC
MÔN TIẾNG ANH LỚP 6
TUẦN 8

UNIT 3: FRIENDS



Lesson 2 (page 25)

New words:

- | | |
|---|--|
| <p>1. go shopping
 go swimming
 go to the mall
 go to the beach</p> <p>2. play badminton
 play video games</p> <p>3. have a party
 have a pizza
 have a barbecue
 have a cake</p> <p>4. watch a movie
 watch TV</p> <p>5. make a pizza
 make a cake
 make a movie</p> | <p>đi mua sắm
 đi bơi
 đi đến trung tâm thương mại
 đi đến bãi biển
 chơi cầu lông
 chơi trò chơi điện tử
 có 1 bữa tiệc
 có/ăn 1 cái pizza
 có/ăn 1 bữa BBQ (đồ nướng)
 có/ ăn 1 cái bánh ngọt
 xem 1 bộ phim
 xem ti vi
 làm 1 cái bánh pizza
 làm 1 cái bánh ngọt
 làm / sản xuất 1 bộ phim</p> |
|---|--|

Homework: Learn New words.

EXERCISES:

 **New Words** a. Fill in the table. Listen and repeat. 

shopping a movie (x2) a party swimming TV badminton (a) pizza (x2) to the beach a barbecue video games to the mall a cake (x2)				
go	play	have	watch	make
shopping, _____	badminton, _____	a party, _____	a movie, _____	a pizza, _____
_____	_____	_____	_____	_____
_____	_____	_____	_____	_____
_____	_____	_____	_____	_____

Reading

Read the messages and fill in the blanks with the words from New Words.



UNIT 3: FRIENDS

Lesson 2 (page 26)

Grammar: Present Continuous tense (thì hiện tại tiếp diễn)

Thì Hiện Tại Tiếp Diễn để nói về những kế hoạch được sắp xếp trong tương lai. Chúng ta thường dùng các trạng từ thời gian: *this weekend, on Saturday, tomorrow, tonight.*

e.g: I am watching a movie tonight.

Homework: Learn: Grammar

III. EXERCISES:

b p.26

1. Are/Am you wearing brown pants?
2. He are/is wearing green shorts.
3. They are/is wearing blue T-shirts.
4. I am/are wears/wearing sneakers.
5. You am/are wearing glasses.
6. Are/Is they wearing black caps?

c p.23

c. Look at the photo and write Simon's answers.



Simon: Do you know my friend, Andre?

Marie: Is he wearing glasses?

Simon: (1) No, he isn't. _____

Marie: Is he wearing a cap?

Simon: (2) _____

Marie: What else is he wearing?

Simon: He's (3) _____

and (4) _____

UNIT 3: FRIENDS
Lesson 1 (page 24)

Pronunciation



a. Focus on the /bl/ sound.

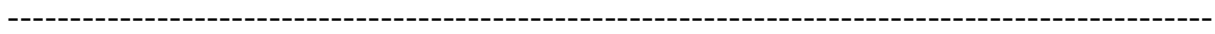
b. Listen to the words and focus on the underlined letters.

black

blond

blue

c. Listen and repeat.



PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC
MÔN TIẾNG ANH LỚP 6
TUẦN 9

UNIT 3: FRIENDS
Lesson 3 (page 28, 29)

I. New words:

1. help (v)
- helpful (a)
2. selfish (a)
3. kind (a)
4. funny (a)
5. friendly (a)
6. lazy (a)

- giúp đỡ
hay giúp đỡ
ích kỷ
tử tế, tốt bụng
buồn cười, vui nhộn
thân thiện
lười biếng

II. Useful language:

What's he like? → He's very kind but a little lazy.

Homework: Learn: I, II

EXERCISES:

b p.28:

b. Match the underlined words with their descriptions. Listen and repeat.

1. This kind of person doesn't like working.
2. This kind of person likes helping others.
3. This kind of person makes others laugh.
4. This kind of person is nice to others.
5. This kind of person doesn't like sharing or giving to other people.
6. This kind of person thinks about other people.

 lazy (B)

p.29

 **Reading** a. Read the article and circle the best headline.

1. Good Sister, Bad Sister 2. Two Mean Sisters 3. How I Met the King

Tâm Trần, June 21

One of my favorite stories is from Vietnam. It's about two sisters, Tấm and Cám. The two sisters are very different. Tấm works hard every day helping to cook and clean the house. She always thinks about other people and tries to help her family. Cám is very different to Tấm. She never does any chores and she doesn't share anything. Cám does lots of bad things to Tấm. It's not a nice story, but in the end, Tấm's life is very good. I like this story because after such a hard life she is happy.

b. Read and find things that show Tấm and Cám's personalities.

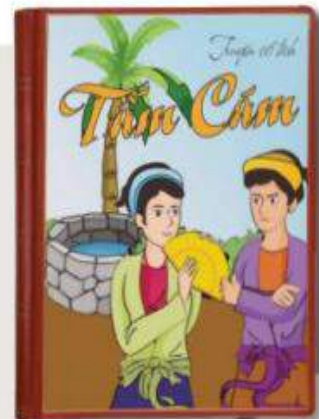
Write an example next to each adjective.

Tấm

1. helpful helping to cook and clean the house
2. kind _____

Cám

3. lazy _____
4. selfish _____



UNIT 3: REVIEW

(page 90, 91)

Listening p.90



Listening

You will hear Jenny and Tom talking about their brothers and sisters. For each question, choose the correct answer (A, B, or C). You will hear the conversation twice.

Example:

- | | |
|---|--|
| <p>0. Tom's brother is</p> <p style="margin-left: 20px;">A. tall. <input checked="" type="checkbox"/></p> <p style="margin-left: 20px;">B. shy. <input type="checkbox"/></p> <p style="margin-left: 20px;">C. short. <input type="checkbox"/></p> | <p>1. Tom's brother is wearing</p> <p style="margin-left: 20px;">A. a blue T-shirt. <input type="checkbox"/></p> <p style="margin-left: 20px;">B. glasses. <input type="checkbox"/></p> <p style="margin-left: 20px;">C. a green T-shirt. <input type="checkbox"/></p> |
| <p>2. Tom's brother is</p> <p style="margin-left: 20px;">A. kind. <input type="checkbox"/></p> <p style="margin-left: 20px;">B. lazy. <input type="checkbox"/></p> <p style="margin-left: 20px;">C. friendly. <input type="checkbox"/></p> | <p>3. Jenny's sister is</p> <p style="margin-left: 20px;">A. tall. <input type="checkbox"/></p> <p style="margin-left: 20px;">B. slim. <input type="checkbox"/></p> <p style="margin-left: 20px;">C. short. <input type="checkbox"/></p> |
| <p>4. Jenny's sister has</p> <p style="margin-left: 20px;">A. short hair. <input type="checkbox"/></p> <p style="margin-left: 20px;">B. brown hair. <input type="checkbox"/></p> <p style="margin-left: 20px;">C. long hair. <input type="checkbox"/></p> | <p>5. Jenny's sister is</p> <p style="margin-left: 20px;">A. kind and helpful. <input type="checkbox"/></p> <p style="margin-left: 20px;">B. kind and friendly. <input type="checkbox"/></p> <p style="margin-left: 20px;">C. friendly and helpful. <input type="checkbox"/></p> |

Reading p.90



Reading

Read the text. Choose the best word (A, B, or C) for each space.

MY NEW FRIEND

Kim is a new girl in my class. We're friends now. Kim is tall with (0) _____ blond hair and blue eyes. We (1) _____ badminton together after school. At school, she always wears a uniform but today is Saturday so she is (2) _____ a yellow T-shirt and pink sneakers. I think Kim is very funny and kind, and she thinks (3) _____ other people. We are going shopping at the mall this afternoon because she's (4) _____ a party tonight. After that, we are making pizza for the party and watching TV. Tomorrow we are (5) _____ swimming at the beach.

Example:

- | | | |
|---------------|------------|------------|
| 0. A. tall | B. slim | C. long |
| 1. A. play | B. playing | C. plays |
| 2. A. wear | B. wears | C. wearing |
| 3. A. about | B. to | C. for |
| 4. A. making | B. doing | C. having |
| 5. A. playing | B. going | C. doing |

Answer:

0	A	B	C
1	A	B	C
2	A	B	C
3	A	B	C
4	A	B	C
5	A	B	C

Vocabulary p.91

**Vocabulary**

Write the correct words from the unit on the lines. The first letter is already there.

1. This kind of person thinks about other people all the time.
2. This is a big building with a lot of shops, restaurants, and cafes.
3. People often have one for their birthday.
4. This is a sport we play with a racket and a shuttlecock.
5. This is when someone's color hair is yellow.
6. This kind of person doesn't like doing housework or schoolwork.
7. People wear these on their eyes to help them see.

• • • • • • • •
kind
m
p
b
b
l
g

Grammar p.91**Grammar**

Circle the correct words.

1. What does/is she wearing?
2. Hey, Frank, what are you do/doing on Saturday afternoon?
3. What's Hermione like/do?
4. Is/Are she wearing glasses?
5. I'm not/don't having a party this Saturday. It's next week.
6. What does/is Spiderman do?
7. Is she having/have a barbeque tonight?

**Pronunciation p.91****Pronunciation**

Circle the word that has the underlined part pronounced differently from the others.

- | | | | |
|------------------------|--|---------------------|--------------------|
| 1. A. <u>bl</u> ond | <input checked="" type="radio"/> B. <u>vege</u> t <u>abl</u> e | C. <u>bl</u> ack | D. <u>bl</u> anket |
| 2. A. <u>l</u> ight | B. <u>st</u> ripe | C. <u>sl</u> im | D. <u>f</u> ine |
| 3. A. <u>terri</u> ble | B. <u>cabl</u> e | C. <u>syllabl</u> e | D. <u>bl</u> ock |

Circle the word that differs from the other three in the position of primary stress in each of the following questions.

- | | | | |
|----------------|-------------|-------------|------------|
| 4. A. decide | B. always | C. lazy | D. fishing |
| 5. A. barbecue | B. vacation | C. balcony | D. average |
| 6. A. sneakers | B. glasses | C. describe | D. selfish |

**REVIEW UNITS 1, 2, 3**

TRƯỜNG: THCS TRẦN QUỐC TUẤN
TỔ: MĨ THUẬT - ÂM NHẠC - THỂ DỤC

Năm học 2021-2022

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC MÔN MĨ THUẬT 6
(Tuần 9 - 10)

NỘI DUNG	GHI CHÚ
<p>CHỦ ĐỀ 2: NGHỆ THUẬT TIỀN SỬ THẾ GIỚI VÀ VIỆT NAM</p> <p>Bài 1: Những hình vẽ trong hang động (2 tiết)</p>	<p>Yêu cầu cần đạt</p> <ul style="list-style-type: none">- Nêu được cách mô phỏng hình vẽ theo mẫu.- Mô phỏng được hình vẽ của người tiền sử theo cảm nhận.- Cảm nhận được vẻ đẹp và giá trị của mỹ thuật thời Tiền sử.
<p>HOẠT ĐỘNG 1: KHÁM PHÁ</p> <div data-bbox="178 1060 690 1564"><p>* Quan sát chỉ ra:</p><ul style="list-style-type: none">- Đối tượng, nội dung thể hiện trong mỗi hình.- Nét, hình màu trong các hình vẽ.- Chất liệu và cách thực hiện.</div> <div data-bbox="714 976 1453 1837"><p>1</p><p>2</p><p>3</p><p>4</p><p>5</p></div>	

- Màu vàng nâu là chủ đạo

Hình 1. Hình mặt người và mặt thú khắc trên đá trong hang Đồng Nội



Hình 2. Hình vẽ bò tót trong hang Altamira.



Hình 3. Hình hươu nai

Hình 4-5. Hình bò tót trong hang Combarelles.



-Chất liệu thể hiện trên một số hang đá, phiến đá .

Các hiện vật do các nhà khảo cổ học phát hiện được từ thời tiền sử cho thấy Việt Nam và một số địa danh trên thế giới là một trong những cái nôi phát triển nghệ thuật của loài người.

HOẠT ĐỘNG 2: KIẾN TẠO KIẾN THỨC- KĨ NĂNG :

Cách mô phỏng theo hình mẫu

1.Hs quan sát hình ở trang 21 SGK Mĩ thuật 6 để nhận biết cách vẽ mô phỏng đơn giản.

Câu hỏi gợi mở học sinh đưa ra câu trả lời.

- + Vẽ mô phỏng được thực hiện như thế nào?
- + Cách vẽ mô phỏng được thực hiện như thế nào?
- + Vẽ mô phỏng có nhất thiết phải vẽ màu theo hình không?

2.Thực hiện theo 2 bước

B1: Xác định bố cục hình vẽ và phác các nét.

B2 Vẽ điều chỉnh hình và các chi tiết cho sát với hình mẫu.

B3: Vẽ màu

B1: Xác định bố cục hình vẽ và phác các nét.



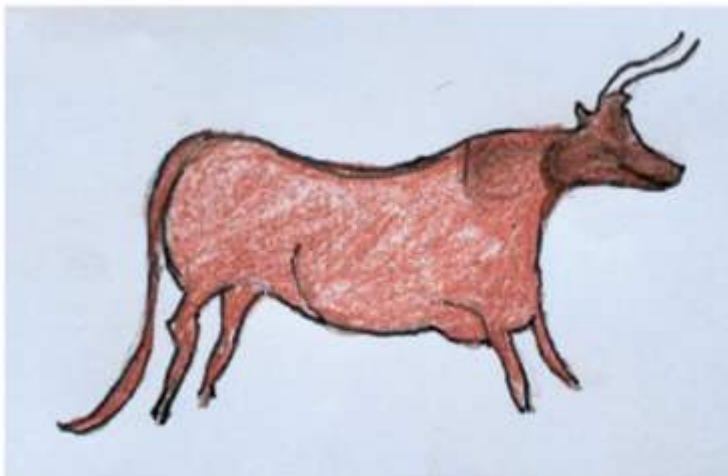
Hình trong hang Altamira, Tây Ban Nha
Nguồn: shutterstock.com



B2 Vẽ điều chỉnh hình và các chi tiết cho sát với hình mẫu.



B3: Vẽ màu



Học sinh quan sát một số bài mô phỏng và trả lời.

+ Màu sắc của hình vẽ đó và nền được thể hiện như thế nào?

+ Độ đậm nhạt của bài vẽ có mang lại cảm nhận về khối của hình không? Hãy chỉ ra điều đó trên hình vẽ?

+ Bài mô phỏng sử dụng chất liệu màu gì?

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP SÁNG TẠO

Mô phỏng hình vẽ thời tiền sử

1. Học sinh mô phỏng hình vẽ theo ý thích. Đặt câu hỏi gợi mở.

+ Hình vẽ em mô phỏng là gì ?

+ Em mô phỏng toàn bộ hay một phần hình vẽ thời tiền sử ?

+ Em muốn điều chỉnh nét vẽ nào ?

+ Tỷ lệ của hình so với trang giấy như thế nào?

2. Học sinh thực hiện:

- **Lựa chọn và quan sát hình ảnh để mô phỏng(Một số hình ảnh có thể được lựa chọn các hình ảnh mặt người trong hang đá, hang động).**

- **Lựa chọn và thực hiện theo ý thích của học sinh để mô phỏng.**

HOẠT ĐỘNG 4: PHÂN TÍCH ĐÁNH GIÁ TRUNG BÀY SẢN PHẨM VÀ CHIA SẺ

Câu hỏi gợi mở để học sinh trả lời bài mô phỏng của mình.

+ Hình vẽ mà các bạn mô phỏng là hình gì?

+ Em muốn điều chỉnh nét vẽ nào ở hình vẽ để bài hoàn thiện hơn?

Hoạt động 5: Luyện tập, vận dụng:

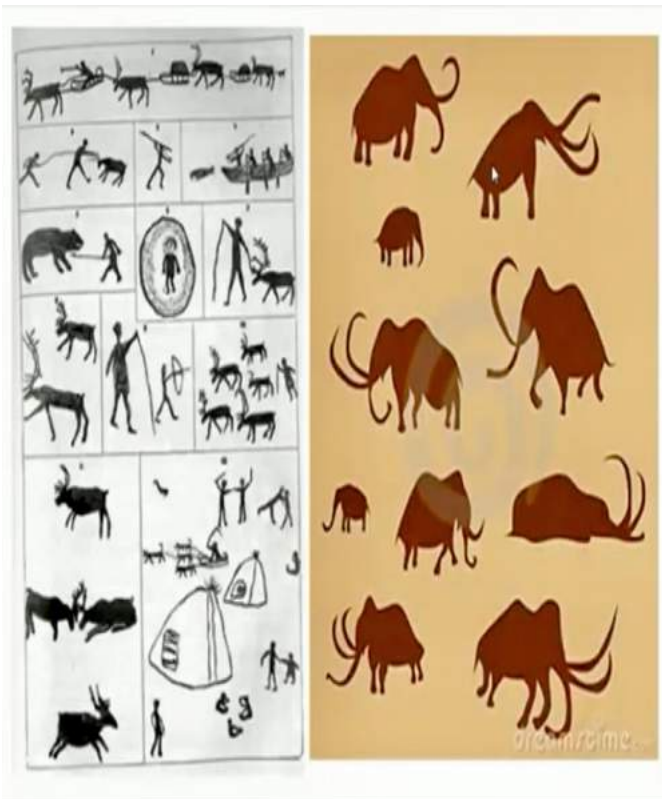
– **Tham khảo một số tranh các hang động thời tiền sử:**

+ Hang động Cueva de las Manos (tạm dịch: Tên của những bàn tay).

+ Hang Magura

- + Hang Bhimbestka
- + Hang Serra
- + Hang Laas Gaal
- + Hang Tadrart Acacus
- + Hang Tadrart Acacus

Tham khảo tranh mô phỏng



Hoàn thành bài **Mô phỏng hình vẽ thời tiền sử**

– Vận dụng, phát triển ý tưởng để hoàn thiện sản phẩm

– Từ bài làm hôm nay em có ý tưởng gì để phát triển làm sản phẩm tốt hơn?

– Nêu ý tưởng chỉnh sửa, hoàn thiện sản phẩm

Học sinh ghi chép lại các câu hỏi thắc mắc, các trở ngại của học sinh khi thực hiện các nhiệm vụ học tập.

Trường:

Lớp:

Họ tên học sinh

CHẠY CỰ LI NGẮN

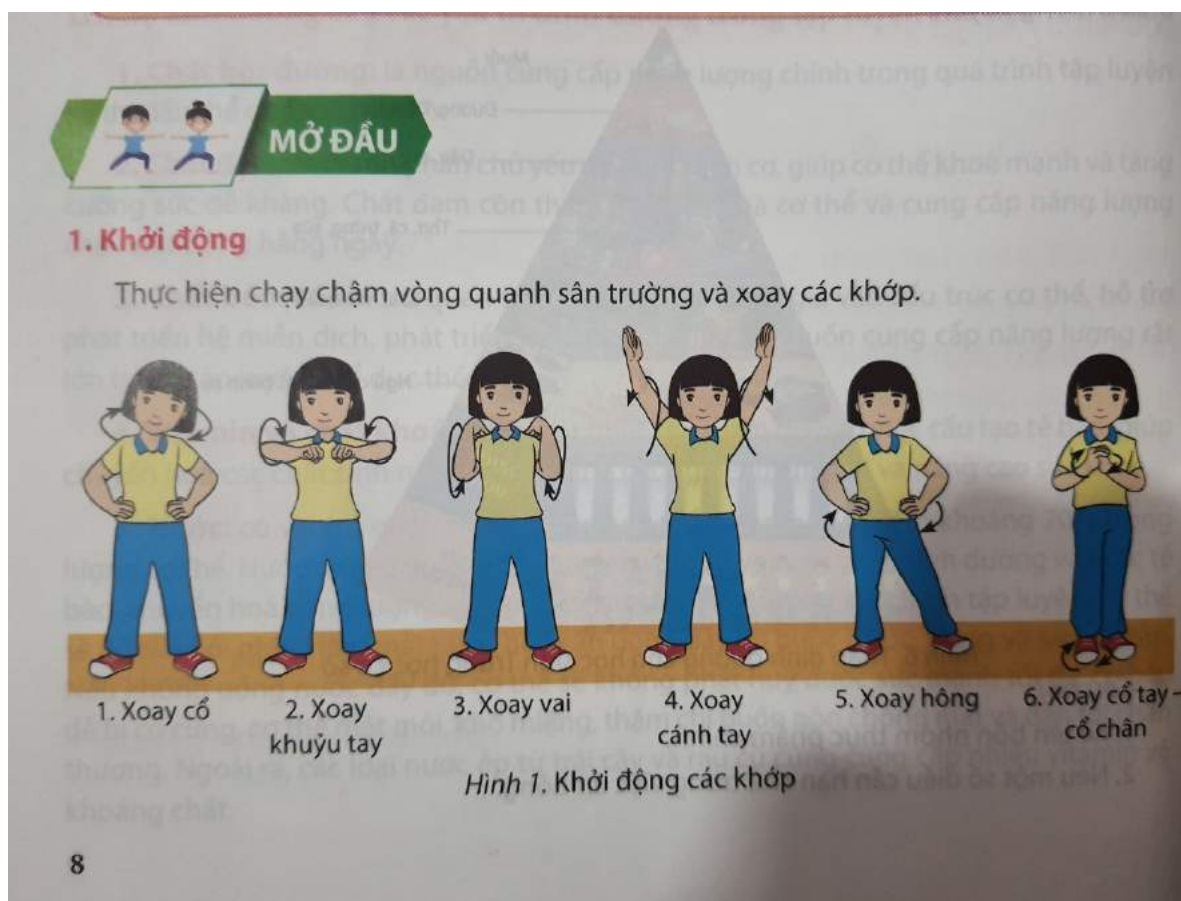
I. Mục tiêu

- Hướng dẫn được học sinh ôn lại các kĩ thuật đã học trong nội dung chạy cự li ngắn 60m, từ đó góp phần hình thành thành phần năng lực vận động cơ bản.
- Học mới kĩ thuật về đích và các điều luật cơ bản trong chạy cự li ngắn.
- Đảm bảo học sinh tự giác tích cực trong tập luyện.

II. Hoạt động mở đầu

Khởi động

Thực hiện xoay các khớp: xoay cổ; xoay khuỷu tay; xoay vai; xoay cánh tay; xoay hông; xoay cổ tay - cổ chân.



- Thực hiện động tác căng cơ: căng cơ tay vai trước, căng cơ tay vai sau...

III. Hoạt động hình thành kiến thức

- Ôn lại kĩ thuật xuất phát cao và chạy lao sau xuất phát trong chạy ngắn.

- Học mới kĩ thuật về đích và một số điều luật cơ bản.

1. Kĩ thuật về đích

Khi cách đích khoảng 15 – 20 m cần tập trung hết sức lực để duy trì tốc độ. Ở bước chạy cuối cùng, chủ động gập thân trên ra trước hoặc kết hợp vừa gập thân trên ra trước và xoay vai để chạm đích. Khi chạy qua đích giảm dần tốc độ, không dừng lại đột ngột.



Hình 2. Kĩ thuật về đích

2. Một số điều luật cơ bản trong chạy cự li ngắn

- Vận động viên xuất phát trước khi có hiệu lệnh “Chạy!” sẽ bị phạm quy.
- Ở các nội dung chạy ngắn (từ 400 m trở xuống), vận động viên phải chạy theo ô và không được lấn sang ô của vận động viên khác.
- Thời gian chạy được tính bắt đầu từ lúc có hiệu lệnh của trọng tài cho đến khi vượt qua vạch đích.

IV. Hoạt động tập luyện.

- Học sinh ôn lại kĩ thuật xuất phát cao và chạy lao sau xuất phát trong nội dung chạy ngắn từ chậm đến nhanh và học mới kĩ thuật về đích và một số điều luật cơ bản; từ đó rèn luyện năng lực tự học, tự chủ.

1. Luyện tập cá nhân

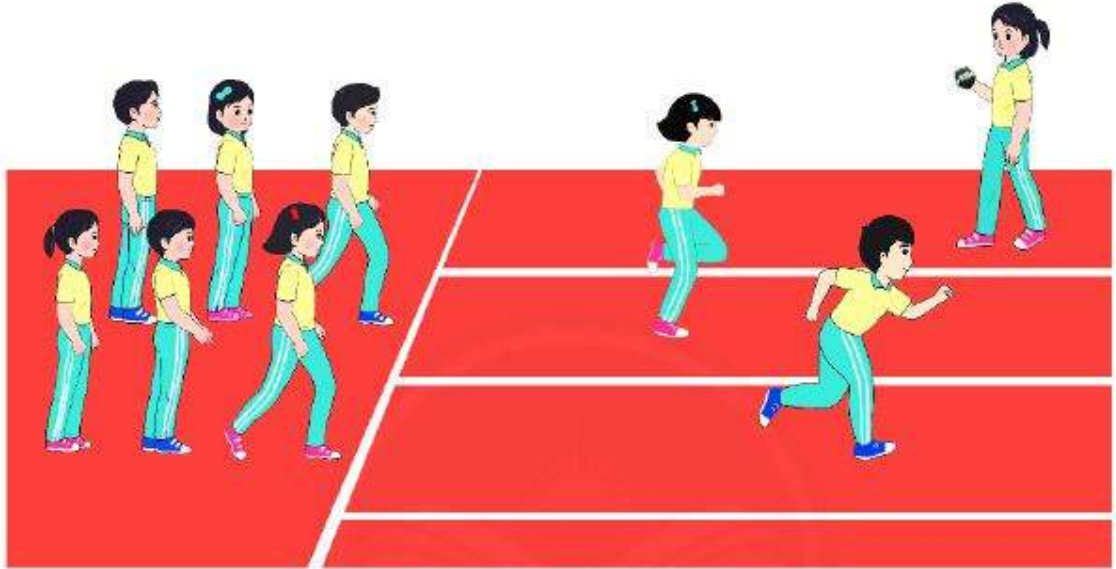
Thực hiện các động tác tại chỗ, di chuyển chậm và nhanh dần. Cự li thực hiện 5 – 10 m.

- Luyện tập kĩ thuật về đích.
- Phối hợp luyện tập kĩ thuật xuất phát và về đích.

2. Luyện tập theo nhóm hoặc theo lớp

Thực hiện chạy cự li ngắn với tốc độ chậm và nhanh dần theo các hiệu lệnh. Cự li thực hiện 60 m. Người chỉ huy điều khiển tập luyện và các bạn trong nhóm góp ý cho nhau.

- Luyện tập kĩ thuật về đích.
- Luyện tập toàn bộ kĩ thuật chạy cự li ngắn.



Hình 3. Đội hình luyện tập chạy cự li ngắn 60 m

V. Vận dụng

Học sinh thực hiện bài tập của bài chạy ngắn trong sách giáo khoa .

NHỮNG ĐIỀU EM CẦN BIẾT ?

Trường THCS Trần Quốc Tuấn

Lớp:.....

Họ tên học sinh:.....

Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
Thể Dục	1).....	1.....

	2.....

	3.....

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẬN 7

TRƯỜNG THCS TRẦN QUỐC TUẤN

TỔ: TD – ÂM NHẠC – MỸ THUẬT

PHIẾU HỌC TẬP
NỘI DUNG HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC
MÔN ÂM NHẠC LỚP 6

Chủ đề 2: “ Bài ca hòa bình”

- Hát: Tiếng chuông và ngọn cờ.
- Lí thuyết âm nhạc: Kí hiệu âm bằng hệ thống chữ cái Latin.
- Nhạc cụ tiết tấu : Bài thực hành số 2
- Nhạc cụ giai điệu : Bài thực hành số 1 (sử dụng 1 trong 2 nhạc cụ: sáo recorder hoặc kèn phím)
- Đọc nhạc: bài đọc nhạc số 2.
- Thường thức âm nhạc: Nhạc sĩ: Văn Cao
- Nghe nhạc: Nghe và vận động theo nhạc bài Tiến về Hà Nội.
- Góc âm nhạc (Ôn tập chủ đề 2)

Nội dung ghi vào tập :

Chủ đề 1: BÀI CA HÒA BÌNH

Tiết 1:

Học hát: Tiếng chuông và ngọn cờ

(Nhạc và lời : Phạm Tuyên)

I/TÌM HIỂU – KHÁM PHÁ:

Tiếng chuông và ngọn cờ

(Nhạc và lời : Phạm Tuyên)

Trái đất thân yêu lòng chúng em xiết bao tự hào. Một quả cầu đẹp
Thế giới quanh em bừng sáng lên mỗi sớm bình minh. Bàn tay em điểm
tươi lung linh giữa trời sao. Trái đất chính là nhà bao
tê cho trái đất đẹp xinh. Thế giới muốn hoà bình và
gân bó thiết tha. Và bạn nhỏ gần xa đây chính gia đình của
chân ghét chiến tranh. Cùng hoà chung tiếng hát chúng em có chung niềm
ta. tin. Boong bình boong hời chuông ngân vang khắp nơi.
Trong khúc ca đây tình yêu thương sáng ngời Boong bình
boong cờ bay giữa tiếng chuông ngân. Hãy phất cao lên lá
cờ hoà bình cờ của ta

+ Tìm hiểu về nhạc sĩ:

1/ Bài hát “Tiếng chuông và ngọn cờ” là sáng tác của nhạc sĩ nào?

→ Bài hát “Tiếng chuông và ngọn cờ” là 1 sáng tác của nhạc sĩ Phạm Tuyên.

2/ Hãy nêu đôi nét về nhạc sĩ Phạm Tuyên mà em biết?

- Bài hát *Tiếng chuông và ngọn cờ* được nhạc sĩ Phạm Tuyên sáng tác năm 1985.

- Nhạc sĩ Phạm Tuyên sinh năm 1930, là tác giả của nhiều ca khúc hay, nổi tiếng như *Gửi nắng cho em, Từ một ngã tư đường phố, Như có Bác trong ngày đại thắng...* và nhiều bài hát thiếu nhi như *Chú voi con ở bản Đôn, Tiến lên đoàn viên, Chiếc đèn ông sao, Cánh én tuổi thơ...*

- Nhạc sĩ Phạm Tuyên được Nhà nước trao tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học nghệ thuật vào năm 2012.

+ Tìm hiểu bài hát:

• Nội dung và tính chất:

1/ Bài hát “Tiếng chuông và ngọn cờ” có nội dung viết về điều gì?

→ Bài hát nói lên ước vọng của tuổi thơ mong muốn cuộc sống hòa bình, hữu nghị, đoàn kết giữa các dân tộc trên toàn thế giới.

2/ Bài hát “Tiếng chuông và ngọn cờ” có tính chất âm nhạc như thế nào?

→ Bài hát có tính chất trong sáng, vui tươi, tự hào, tiết tấu hành khúc

• Phân tích bản nhạc:

1/ Bài hát được viết ở nhịp mấy ?

→ Bài hát viết ở nhịp ²

2/ Bài hát được viết với hình ⁴rc mấy đoạn?

→ Bài hát gồm 2 đoạn:

+ Đoạn a (2 lời):

- Lời 1: Trái đất thân yêu ... gia đình của ta (gồm 4 câu, 1 câu có 4 nhịp)

- Lời 2: Thế giới quanh em ... có chung niềm tin (gồm 4 câu, 1 câu có 4 nhịp)

+ Đoạn b (1 lời): Boong bính boong ... lá cờ của ta (gồm 4 câu, 1 câu có 4 nhịp)

3/ Nhận biết và liệt kê các cao độ (tên nốt nhạc) và trường độ (hình nốt nhạc) có trong bài?

→ Cao độ: Đô, Rê, Mi, Fa, Son, La, Si.

→ Trường độ : nốt đen, nốt móc đơn, nốt trắng.

4/ Nhận biết các kí hiệu âm nhạc mới có trong bài?

→ Dấu nhắc lại, khung thay đổi (các kí hiệu này các em sẽ được giới thiệu kĩ hơn trong phần lý thuyết âm nhạc).

Ý nghĩa giáo dục:

- Yêu hòa bình, nhân ái (biết cảm xúc yêu thương trước cái đẹp, cái thiện); ghét chiến tranh (biết phần nộ trước cái xấu, cái ác).
- Sống thân thiện, cư xử đúng mực với người xung quanh (các thành viên trong gia đình, thầy cô, bạn bè,...); đoàn kết với bạn bè cùng nhau tiến bộ; biết quan tâm giúp đỡ người khác; có ý thức bảo vệ thiên nhiên và môi trường...

II/ THỰC HÀNH – LUYỆN TẬP:

- Các em nghe và tập hát đúng giai điệu, lời ca bài *Tiếng chuông và ngọn cờ*.
- Tập từng câu, từng đoạn và ghép cả bài.
- Chú ý lấy hơi sau mỗi câu hát.

◀ TẬP HÁT ▶ TIẾNG CHUÔNG VÀ NGỌN CỜ
Nhịp đi *Nhạc và lời: Phạm Tuyên*

Đoạn 1
– lời 1

- 1 Trái đất thân yêu lòng chúng em xiết bao tự hào.
- 2 Một quả cầu đẹp tươi lung linh giữa trời sao.
- 3 Trái đất chính là nhà bao gắn bó thiết tha.
- 4 Và bạn nhỏ gần xa đây chính gia đình của ta.

Đoạn 2

- 5 Boong bính boong hồi chuông ngân vang khắp nơi.
- 6 Trong khúc ca đầy tình yêu thương sáng ngời.
- 7 Boong bính boong cờ bay giữa tiếng chuông ngân.
- 8 Hãy phát cao lên lá cờ hoà bình.

Đoạn 1
– lời 2

- 1 Thế giới quanh em bừng sáng lên mỗi sớm bình minh.
- 2 Bàn tay em điểm tô cho đất nước đẹp xinh.
- 3 Thế giới muốn hoà bình và chán ghét chiến tranh.
- 4 Cùng hoà chung tiếng hát chúng em có chung niềm tin.

Đoạn 2

- 5 Boong bính boong hồi chuông ngân vang khắp nơi.
- 6 Trong khúc ca đầy tình yêu thương sáng ngời.
- 7 Boong bính boong cờ bay giữa tiếng chuông ngân.
- 8 Hãy phát cao lên lá cờ của ta.

* **Bài hát : Tiếng chuông và ngọn cờ (có lời + melody):**

<https://youtu.be/YzdZiC3jfM4>

Giáo dục phẩm chất:

- Yêu hòa bình, nhân ái (biết cảm xúc yêu thương trước cái đẹp, cái thiện); ghét chiến tranh (biết phẫn nộ trước cái xấu, cái ác).
- Sống thân thiện, cư xử đúng mực với người xung quanh, (các thành viên trong gia đình, thầy cô, bạn bè,...); đoàn kết với bạn bè cùng nhau tiến bộ; biết quan tâm giúp đỡ người khác; có ý thức bảo vệ thiên nhiên và môi trường;...

Nội dung ghi vào tập:

Tiết 2:

* Ôn bài hát: **Tiếng chuông và ngọn cờ**

* Nhạc cụ :

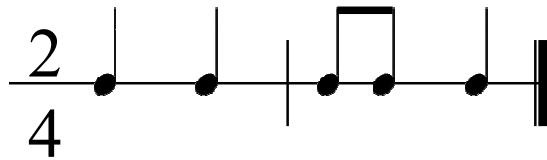
+ Nhạc cụ tiết tấu: **Bài thực hành số 2.**

+ Nhạc cụ giai điệu: **Bài thực hành số 1**

(kèn phím)

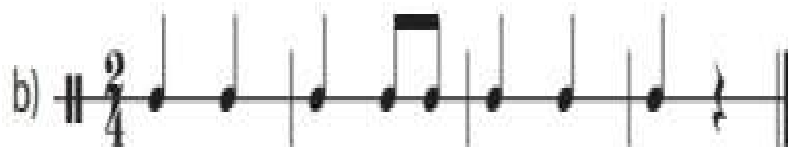
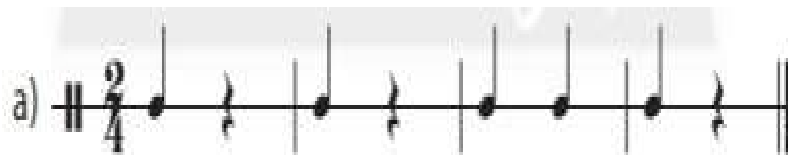
* Ôn bài hát: **Tiếng chuông và ngọn cờ (học sinh tự ôn tập)**

- Các em hát lại bài hát **Tiếng chuông và ngọn cờ** với nhạc đệm, kết hợp gõ đệm mẫu tiết tấu :



* Nhạc cụ :

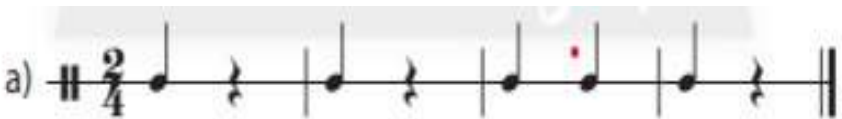
+ Nhạc cụ tiết tấu: **Bài thực hành số 2.**

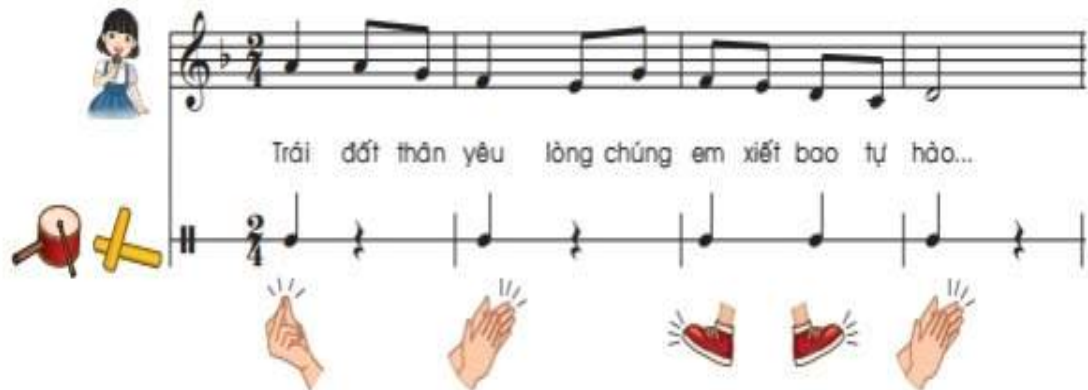


III/ VẬN DỤNG – SÁNG TẠO:

*Sử dụng nhạc cụ gõ (phách tre) gõ đệm **mẫu tiết tấu** cho bài hát “**Tiếng chuông và ngọn cờ**” :

*Vận động cơ thể

a) 



Clip hướng dẫn gõ đệm và vận động cơ thể theo bài hát “Tiếng chuông và ngọn cờ”

<https://youtu.be/z0u68HZk36M>

Qua bài học, giáo dục tinh thần đoàn kết, yêu chuộng hòa bình cho HS.

+ **Nhạc cụ giai điệu: Bài thực hành số 1** (chưa dạy trong giai đoạn dạy học qua Internet)

Nội dung ghi vào tập :

Tiết 3:

- Lí thuyết âm nhạc: **KÍ HIỆU ÂM BẰNG CHỮ CÁI LATIN**

- Đọc nhạc: **BÀI ĐỌC NHẠC SỐ 2**

* Lí thuyết âm nhạc: **Kí hiệu âm bằng hệ thống chữ cái Latin**

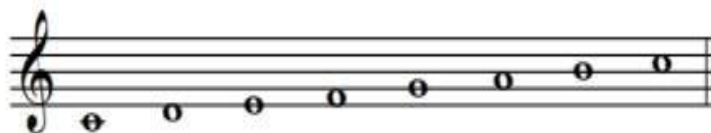
I/TÌM HIỂU – KHÁM PHÁ:



Kí hiệu âm bằng hệ thống chữ cái Latin

1. Tìm hiểu kí hiệu âm bằng hệ thống chữ cái

Trong âm nhạc, ngoài kí hiệu các âm bằng nốt nhạc ghi trên năm dòng kẻ (khuông nhạc), còn có cách kí hiệu tên bảy nốt nhạc dựa trên bảng chữ cái Latin.



Đô Ré Mi Pha Son La Si Đô

Hệ thống 1: **C D E F G A B (C)**

Hệ thống 2: **C D E F G A H (C)**

- HS xem hệ thống, nhận dạng và ghi nhớ thứ tự các ký hiệu âm bằng hệ thống chữ cái Latin.



- HS ghi nhớ thứ tự các nốt trên khuôn nhạc bằng kí hiệu bàn tay (phương pháp Kodaly).

* Đọc nhạc: **BÀI ĐỌC NHẠC SỐ 2**



Bài đọc nhạc số 2

Moderato (vừa phải)



I/ Tìm hiểu và nhận xét bài đọc nhạc số 2:

1/ Bài đọc nhạc số 2 viết ở nhịp mấy?

—> Bài viết ở nhịp 2/4, giọng C (Đô trưởng)

2/ Kể tên các cao độ có trong bài?

—> Cao độ: Son, Mi, Đô, Fa, Rê, Si, La

3/ Kể tên các hình nốt nhạc (trường độ) có trong bài ?



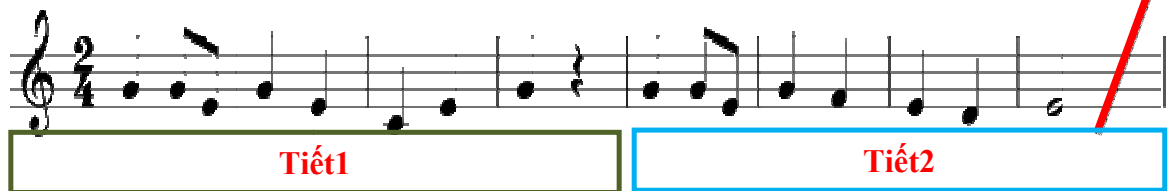
- Cách viết 2 móc đơn đi liền nhau trong một nhịp.



- Cấu trúc : bài gồm 2 câu, có 4 tiết nhạc, tiết 3 giống tiết 1.

BÀI ĐỌC NHẠC SỐ 2

Câu 1

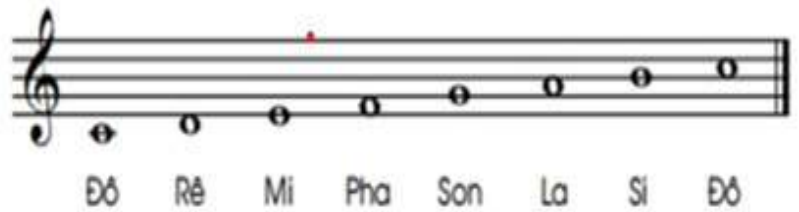


Câu 2



II/Đọc gam Đôtrườngvàquãng 2 dựa theo gam Đôtrường:

*Đọc gam Đôtrường



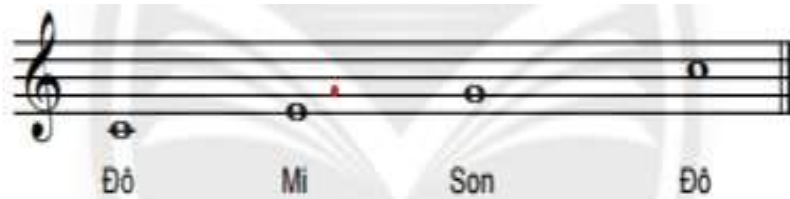
* Đọcquãng 2 dựa theo gam Đôtrường



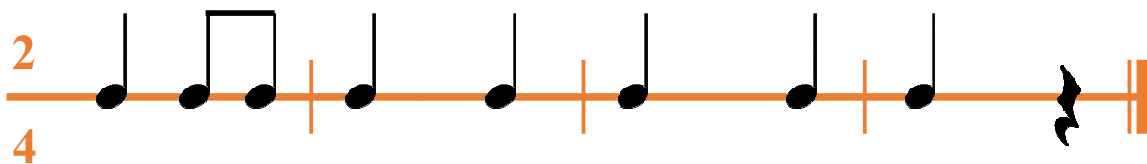
* Đọcquãng 3 dựa theo gam Đôtrường



* Đọcgam ổnđịnh:



* Luyện tập âm hình tiết :



Đơndơndơndơndơndơndơndơnlặng

*** Đọc bài đọc nhạc số 2 với tốc độ vừa phải :**

- Đọc tên nốt nhạc theo trường độ (vừa đọc vừa gõ phách).
- Đọc cao độ từng tiết nhạc, từng câu theo đàn (vừa đọc vừa gõ phách). Đọc cả bài đọc nhạc số 2

<https://youtu.be/1XwIjHETH2A>

- Đọc cả bài đọc nhạc số 2 kết hợp gõ đệm mẫu tiết tấu a (bài thực hành số 2 của nội dung NHẠC CỤ TIẾT TẤU – SGK/14)

<https://youtu.be/bbIbeiWuSFo>

• DẶN DÒ:

- Đọc, hiểu và ghi nhớ kí hiệu âm bằng chữ cái Latin.
- Đọc bài số 2 kết hợp gõ đệm
<https://youtu.be/bbIbeiWuSFo>
- Chép nhạc Bài đọc nhạc số 2 vào tập

Nội dung ghi vào tập :

Tiết 4:

- Thường thức âm nhạc: **Nhạc sĩ Văn Cao**
- Nghe nhạc: **Nghe và vận động theo nhạc bài Tiến về Hà Nội**
- Góc âm nhạc: **Ôn tập chủ đề 2**

***Thường thức âm nhạc: Nhạc sĩ Văn Cao**

(Học sinh đọc, tìm hiểu trong SGK/ 18)

- 1/ Hãy nêu những nét chính về sự nghiệp sáng tác của nhạc sĩ Văn Cao?
- 2/ Kể tên một số bài hát của nhạc sĩ Văn Cao mà em biết?
- 3/ Đặc điểm âm nhạc của ông?
- 4/ Nhạc sĩ Văn Cao đã được nhà nước trao tặng giải thưởng gì?

Nhạc sĩ VĂN CAO
(1923 – 1995)



Ảnh do gia đình nhạc sĩ cung cấp

Văn Cao là một trong những nhạc sĩ thuộc thế hệ “cánh chim đầu đàn”, có nhiều đóng góp cho nền âm nhạc Việt Nam hiện đại. Sáng tác của ông nổi bật trong lĩnh vực ca khúc với nhiều bài có giá trị cao về nội dung và nghệ thuật.

Ca khúc của nhạc sĩ Văn Cao phong phú với nhiều thể loại: trữ tình, hành khúc, chính ca,... Tiêu biểu cho các bài trữ tình là *Thiên Thai, Suối mơ, Làng tôi, Mùa xuân đầu tiên,...*; cho các bài hành khúc là *Tiến quân ca, Chiến sĩ Việt Nam, Tiến về Hà Nội,...*

Nhiều ca khúc của ông có ý nghĩa lịch sử to lớn. Bài hát *Tiến quân ca* được sáng tác trong thời kì tổng khởi nghĩa của Cách mạng tháng Tám và đã vinh dự được chọn làm Quốc ca Việt Nam. Những sáng tác của Văn Cao luôn mang tinh nhân văn sâu sắc, thấm đượm tình yêu cuộc sống và thể hiện khát vọng hoà bình, độc lập, tự do của dân tộc.

Với những công lao đối với đất nước và nền âm nhạc Việt Nam, năm 1996 ông được Nhà nước truy tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học – Nghệ thuật.

TIẾN QUÂN CA <https://youtu.be/8VhYPflpYI0>
LÀNG TÔI <https://youtu.be/oeS17TXOVQ4>

2/ Nghe nhạc: Nghe và vận động theo nhạc bài

“**Tiến về Hà Nội**” <https://youtu.be/069ZqjCX2ZU>

Nhạc sĩ Văn Cao sáng tác bài hát *Tiến về Hà Nội* vào mùa xuân năm 1949, khi đó ông đã dự cảm về ngày vui giải phóng Thủ đô. Âm điệu hào hùng, khoẻ khoắn theo nhịp hành khúc của bài hát như vẽ lên bức tranh toàn cảnh Thủ đô Hà Nội tung bừng, náo nức chào đón đoàn quân chiến thắng trở về.

Giáo dục phẩm chất:

HS rút ra ý nghĩa của những đóng góp của nhạc sĩ Văn Cao với nền âm nhạc Việt Nam, qua đó biết trân trọng sự nghiệp sáng tác của ông.

* Góc âm nhạc: **Ôn tập chủ đề 2**

Học chủ đề *Bài ca hoà bình* giúp em hình thành phẩm chất yêu nước, nhân ái và tinh thần trách nhiệm.

Trường:	
Lớp:	
Họ và tên:	

- **Học sinh ghi nội dung cần giải đáp, hướng dẫn thêm (nếu có) vào phiếu sau đây:**

Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC MÔN GDCD 6
(Tuần 8)

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Chủ đề 4: Bài 4: Tôn trọng sự thật (tiết 1)	- Nhận biết được một số biểu hiện của tôn trọng sự thật. - Vì sao phải tôn trọng sự thật
1. Hoạt động 1: Khởi động	
<p>Gv: Em hãy đọc thông tin dưới đây và trả lời câu hỏi:</p> <p>GV: Nêu suy nghĩ của em về việc làm của bạn học sinh trong thông tin trên.</p> <p>HS: <i>Đoạn thông tin cho thấy bạn nhỏ là người có trách nhiệm và rất trung thực khi nhận lỗi của mình, đó cũng là một trong những biểu hiện của tôn trọng sự thật. Vậy thế nào là tôn trọng sự thật, tôn trọng sự thật có ý nghĩa như thế nào trong cuộc sống, chúng ta sẽ cùng tìm hiểu trong bài học ngày hôm nay.</i></p>	<p>THÔNG TIN: Một học sinh trung học ở Hải Phòng, sau khi vô ý làm vỡ gương ô tô đã để lại tờ giấy ghi số điện thoại kèm lời xin lỗi chân thành: <i>“Do vô tình nên cháu đâm vào gương ô tô. Cháu xin lỗi ạ. Liên lạc với cháu theo số điện thoại để cháu đền ạ (do cháu không biết chủ ô tô là ai) 0949...”</i> <i>Người chủ xe không những không bắt đền mà còn đem câu chuyện đó kể cho con mình và chia sẻ với cộng đồng.</i></p>
2. Hoạt động 2: Khám phá	
Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu nội dung: Tôn trọng sự thật và những biểu hiện của tôn trọng sự thật.	II. Khám phá Một nhà thơ chân chính

- GV giao nhiệm vụ cho HS đọc câu chuyện “Một nhà thơ chân chính” và trả lời câu hỏi:

+ Khi bị nhà vua bắt, các nhà thơ và nghệ nhân hát rong đã hành động như thế nào? Vì sao?

+ Việc chấp nhận cái chết của nhà thơ cho thấy ông là người như thế nào?

+ Theo em, thế nào là tôn trọng sự thật? Nêu một số biểu hiện của tôn trọng sự thật.

HS: tự trả lời câu hỏi

GV: Rút ra kết luận

GV:

- Tôn trọng sự thật biểu hiện thông qua suy nghĩ, hành động (việc làm), lời nói, thái độ.

- Một số biểu hiện của tôn trọng sự thật thường gặp:

+ Sống ngay thẳng, thật thà

+ Dám nhận lỗi khi làm sai

Ngày xưa, ở vương quốc Dagestan có một ông vua rất bạo ngược. Khắp nơi truyền đi bài hát lên án thói hống hách, bạo tàn của nhà vua.

Rồi một ngày, bài hát lọt đến tai vua. Vị vua ra lệnh tìm cho được tác giả bài hát để xử tội. Truy tìm không ra, vị vua ra lệnh tống giam tất cả nhà thơ và nghệ nhân hát rong cả nước.

Sau đó, nhà vua ra lệnh phải hát cho vua nghe một bài hát do chính mình sáng tác ca ngợi nhà vua. Tất cả đều cố gắng hoàn thành, riêng có ba nhà thơ kiên quyết không chịu hát. Họ bị tống giam vào ngục.

Ba tháng sau, vị vua giải ba người ra và cho thêm cơ hội. Một trong ba nhà thơ đã hát ca ngợi vị vua, thế là được thả ra.

Giàn hỏa thiêu xuất hiện, một trong hai nhà thơ còn lại cất tiếng hát. Riêng người cuối cùng vẫn im lặng, vị vua ra lệnh: “Trời hấn và thiêu chết!”.

Cuối cùng, nhà thơ cũng cất vang tiếng hát. Đó là lời hát phơi bày nỗi thống khổ của người dân, phê phán thói xấu của nhà vua... Tiếng hát vang lên, cả hoàng cung rung động cùng với ngọn lửa bùng bùng bốc cháy như giận dữ. Nhà vua bất ngờ hét lên: “Dập tắt lửa! Ta không thể mất nhà thơ chân chính độc nhất của đất nước này”.

(Theo Truyện cổ dân gian Nga)

➔ 1. Khái niệm: sự thật và Tôn trọng sự thật

- **Sự thật** là những gì có thật trong cuộc sống hiện thực và phản ánh đúng hiện thực cuộc sống.

- **Tôn trọng sự thật** là suy nghĩ, nói và làm theo đúng sự thật, bảo vệ sự thật.

- + Dũng cảm nói lên sự thật
- + Không che dấu, bao che cho các hành động sai trái
- + Chấp nhận mọi hậu quả khi sự thật được sáng tỏ
- + Đấu tranh để bảo vệ sự thật
- + Có ý thức bảo vệ, gìn giữ sự thật
- + Lên án, bài trừ những sự việc sai trái.

Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu nội dung: Sự cần thiết của tôn trọng sự thật

GV giao nhiệm vụ cho học sinh đọc thông tin qua hai bức tranh và trả lời câu hỏi.

1. Em có nhận xét gì về nội dung trao đổi của các bạn trong hai hình ảnh trên?
2. Từ câu chuyện của các bạn trong hai hình ảnh trên, em hãy cho biết vì sao chúng ta phải tôn trọng sự thật?

HS: trả lời tự do

GV: nhận xét

+ **Tôn trọng sự thật** là đức tính cần thiết, quý báu

+ **Vì:**

- Giúp con người nâng cao phẩm giá bản thân, góp phần tạo ra các mối quan hệ xã hội tốt đẹp, được mọi người tin yêu, quý trọng.
- Góp phần bảo vệ cuộc sống, bảo vệ giá trị đúng đắn, tránh nhầm lẫn, oan sai;
- Làm cho tâm hồn thanh thản bình an, sức khỏe tốt hơn;

2. Biểu hiện của tôn trọng sự thật:

là người sống ngay thẳng, thật thà, nhận lỗi khi có khuyết điểm.



3. Vì sao phải tôn trọng sự thật:

Tôn trọng sự thật là đức tính cần thiết, quý báu, giúp con người:

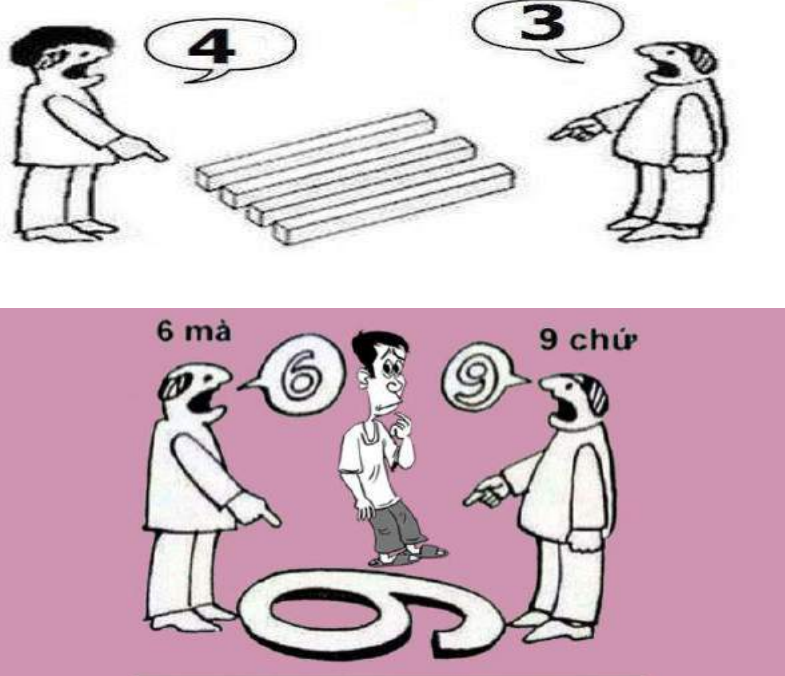
- Nâng cao phẩm giá bản thân,
- Góp phần tạo ra các mối quan hệ xã hội tốt đẹp,
- Được mọi người tin yêu, quý trọng.

<p>- Làm cho cuộc sống trở nên tốt đẹp hơn, xã hội yên bình, văn minh hơn.</p>	
--	--

Dặn dò: Sau khi tìm hiểu phiếu học tập HS trả lời các câu hỏi sau:

- Nêu một số biểu hiện của Tôn trọng sự thật.
- Vì sao chúng ta phải tôn trọng sự thật.

**PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC MÔN GDCD 6
(Tuần 9)**

NỘI DUNG	GHI CHÚ
<p style="text-align: center;">Chủ đề 4: Bài 4: Tôn trọng sự thật (tiết 2)</p>	<p style="text-align: center;">- Rèn luyện tính tôn trọng sự thật</p>
<p>1. Hoạt động 2: Khám phá tt</p>	
<p>Nhiệm vụ 4: Tìm hiểu nội dung: Cách rèn luyện Gv: Yêu cầu HS đọc ca dao, tục ngữ thể hiện tôn trọng sự thật. Giải thích ý nghĩa của nó. HS: lần lượt trả lời GV: Nhận xét Gv: yêu cầu HS quan sát và suy ngẫm qua 2 bức tranh sau</p> <p>GV: Nêu các việc làm thể hiện tôn trọng sự thật của bản thân? HS: trả lời.</p> <p>GV: <i>Vậy để tôn trọng sự thật ta phải làm gì?</i> - HS dựa vào biểu hiện của tôn trọng sự thật trả lời: - Luôn nói thật với người thân, thầy cô, bạn bè và người có trách nhiệm. - Không đồng tình với việc nói dối hoặc che giấu sự thật.</p> <p>GV: nhận xét – Rút ra kết luận</p>	<p>4. Cách rèn luyện siêng năng, kiên trì:</p> <p style="text-align: center;">AI ĐÚNG - AI SAI ?</p>  <p>➔ Để rèn luyện tính tôn trọng sự thật, em cần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận thức đúng, có hành động và thái độ phù hợp với sự thật. - Ngoài ra, còn phải bảo vệ sự thật, phản ứng với các hành vi thiếu tôn trọng sự thật, bóp méo sự thật.

--	--

2. Hoạt động 3: Luyện tập

<p>Gv: Yêu cầu HS đọc bài tập ở phần luyện tập và trả lời câu hỏi</p> <p>Câu 1: Em đồng tình với ý kiến của bạn Tú hay bạn Huyền? Vì sao?</p> <p>Câu 2: Em có đồng tình với hành động của bạn Nam không? Vì sao? Nếu là An, em sẽ làm gì?</p> <p>Câu 3:</p> <ol style="list-style-type: none"> a. Nêu nhận xét của em về hành động của anh thanh niên. b. Bày tỏ thái độ của em với hành động của bạn Hà. 	<p>II. Luyện tập: bài tập 1</p> <p>Tình huống 1: Lớp 6E là lớp cuối cùng nộp sản phẩm của phong trào kế hoạch nhỏ. Khi mang sản phẩm xuống khu tập trung phê liệu, nhìn danh sách các lớp đã nộp, Tú thấy lớp mình chỉ kém lớp 7C có 1kg. Cô Tổng phụ trách lại vừa đi ra ngoài. Tú nói với Huyền: “Hay là mình khai tăng lên 2kg để được vị trí số 1”. Huyền kiên quyết phản đối và ghi đúng khối lượng sản phẩm của lớp mình.</p> <p>☞ Em đồng ý với ý kiến bạn bạn Huyền. Vì còn là học sinh chúng ta nên nói đúng sự thật dù là việc nhỏ nhất.</p> <p>Tình huống 2: Nam chạy rất nhanh trong lớp vào giờ ra chơi và vô tình vung tay làm vỡ lọ hoa. Lúc này, chỉ có An nhìn thấy do các bạn khác đang chơi bên ngoài. Sợ bị phạt, Nam nói với An giấu kín chuyện, đừng nói cho ai biết.</p> <p>☞ Em không đồng tình với hành động bạn Nam. Vì Nam là một cậu học sinh nhút nhát, không dám nhận lỗi khi mình phạm phải mà còn bảo An che giấu giúp mình.</p> <p>Nếu là An, em sẽ khuyên Nam nên nhận lỗi với cô giáo và các bạn.</p> <p>Tình huống 3: Hà và mẹ đang đứng đợi xe buýt. Có một cụ già mù bán vé số lại gần và nói: “Chỉ có mười nghìn thôi, cô chú mua hộ tôi một tờ với!”. Một anh thanh niên gọi lại và mua cho cụ. Hà thấy anh thanh niên đó rút 6 tờ vé số nhưng chỉ đưa cụ già 50 nghìn đồng. Hà vội nói với anh thanh niên: “Anh có trả nhầm tiền cho cụ không ạ?”.</p>
--	---

	<p>☛ Thái độ của em với hành động của bạn Hà: bạn rất đáng được tuyên dương, bạn đã dũng cảm chỉ ra lỗi, cái sai của người khác.</p>
--	--

3. Hoạt động 4: Vận dụng

<p>Giáo viên cho học sinh tìm những câu ca dao, tục ngữ thể hiện tôn trọng sự thật.</p> <p>GV: Em hãy bình luận các câu ca dao sau:</p> <p>1. <i>Những người tính nết thật thà Đi đâu cũng được người ta tin dùng.</i></p> <p>2. <i>Cửa phi nghĩa có giàu đâu Ở cho ngay thẳng giàu sau mới bền.</i></p> <p style="text-align: right;">(Ca dao)</p> <p>HS: Trả lời tự do</p> <p>GV:</p> <p>Em hãy thiết kế tấm thiệp và cam kết thực hiện thông điệp trong tấm thiệp đó.</p>	<p>☛ 1. Người gian thì sợ người ngay. Người ngay chẳng sợ đường cày cong queo.</p> <p>2. Chớ nghe lời phỉnh tiếng phờ Thò tay vào lờ mắc kẹt cái hom.</p> <p>3. Khôn ngoan chẳng lọ thật thà Lường thung tráo đấu chẳng qua đong đầy.</p> <p>4. Bề ngoài thon thót nói cười Mà trong gian hiểm giết người không đao.</p> <p>5. Đòi loạn mới biết tôi trung Tuế hàn mới biết bá tòng kiên tâm.</p> <p>6. Nhà nghèo yêu kẻ thật thà Nhà quan yêu kẻ giàu ra nịnh thần.</p> <p>7. Những người tính nết thật thà Đi đâu cũng được người ta tin dùng.</p> <p>8. Tu thân rồi mới tề gia Lòng ngay nói thật gian tà mặc ai.</p> <p>9. Đừng bảo rằng trời không tai Nói đơm nói đặt cậy tài mà chi.</p> <p>Tục ngữ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thuộc đấng dã tật sự thật mắt lòng - Giấy không gói được lửa - Cây kim trong bọc lâu ngày cũng lòi ra. - Ăn ngay nói thật mọi tật mọi lành. - Một câu nói ngay bằng ăn chay cả tháng. - Mật ngọt chết ruồi, những nơi cay đắng là nơi thật thà. - Thật thà ma vật không chết. - Cây thẳng bóng ngay, cây cong bóng vạy. - Một sự bất tín vạn sự bất tin. - Cửa ngang chẳng góp, lời tà chẳng thừa. - Đấu hàng xáo, gạo hàng dầu. - Nêu cao nhưng bóng chẳng ngay. - Vàng thật không sợ lửa. - Cây vạy hay ghét mực tàu ngay. - Văn hoa chẳng qua nói thật.
---	---

Em hãy thực hiện theo các gợi ý dưới đây:

1. Tìm một câu nói, lời phát biểu...ấn tượng về tôn trọng sự thật

2. Thiết kế thành một tấm thiệp để tặng cho bạn thân nhất của em.

3. Cam kết với bản thân thực hiện đúng

như câu nói, lời phát biểu đó trong các hoạt động của cá nhân em

HS: thực hiện

Dặn dò: Sau khi tìm hiểu phiếu học tập HS trả lời các câu hỏi sau:

- Em hãy nêu các việc làm để rèn luyện tính tôn trọng sự thật trong cuộc sống trong cuộc sống?

PHIẾU TỰ HỌC LỊCH SỬ - ĐỊA LÍ

Tuần 8

PHẦN LỊCH SỬ

Bài 7. Lưỡng Hà cổ đại

I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN (HS TỰ HỌC)

II. QUÁ TRÌNH THÀNH LẬP NHÀ NƯỚC LƯƠNG HÀ CỔ ĐẠI

– Em hãy trình bày quá trình thành lập nhà nước Lưỡng Hà cổ đại.

.....

.....

.....

.....

– Quan sát lược đồ 7.2, em hãy kể tên những thành thị gắn với những nhà nước ra đời sau giai đoạn Xu-me.

.....

.....

III. NHỮNG THÀNH TỰU VĂN HÓA TIÊU BIỂU

– Em hãy kể tên những thành tựu điển hình của văn hoá Lưỡng Hà cổ đại.

.....

.....

.....

.....

– Quan sát hình 7.3, theo em người Xu-me dùng dụng cụ có hình dạng như thế nào để khắc chữ trên những phiến đất sét?

.....

.....

.....

– Đọc đoạn tư liệu 7.4, em hãy cho biết vua Ha-mu-ra-bi (Hammurabi) ban hành bộ luật để làm gì?

.....

.....

PHẦN ĐỊA LÍ

Bài 6. Chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất và hệ quả.

I. SỰ CHUYỂN ĐỘNG TỰ QUAY QUANH TRỤC

Dựa vào hình 6.1 và thông tin trong bài, em hãy:

- Xác định:

+ Cực Bắc, cực Nam và trục của Trái Đất.

+ Hướng tự quay quanh trục của Trái Đất.

- Cho biết thời gian Trái Đất quay một vòng quanh trục.

II. HỆ QUẢ CHUYỂN ĐỘNG TỰ QUAY QUANH TRỤC CỦA TRÁI ĐẤT

1. Sự luân phiên ngày, đêm

Dựa vào hình 6.2, hình 6.3 và thông tin trong bài, em hãy:

- Cho biết vị trí điểm A có phải luôn là ban ngày, vị trí điểm B có phải luôn là ban đêm không? Tại sao?

- Trình bày hiện tượng ngày đêm luân phiên nhau trên Trái Đất.

2. Giờ trên Trái Đất

Đọc thông tin trong bài và quan sát hình 6.4, em hãy cho biết:

- Bề mặt Trái Đất được chia làm bao nhiêu múi giờ?

- Việt Nam thuộc múi giờ thứ mấy?

– Múi giờ nước ta muộn hay sớm hơn so với giờ GMT?

– Múi giờ của các thành phố: Hà Nội, Oa-sinh-ton (Washington), Mát-xcơ-va (Moscow) và Tô-ky-ô (Tokyo).

3. Sự lệch hướng của vật thể di chuyển trên bề mặt Trái Đất

Quan sát hình 6.5 và thông tin trong bài, em hãy:

+ Ở bán cầu Bắc, vật chuyển động theo hướng từ A đến B và từ C đến D bị lệch về phía bên trái hay bên phải so với hướng ban đầu?

+ Ở bán cầu Nam, vật chuyển động theo hướng từ E đến F và từ O đến P bị lệch về phía bên trái hay bên phải so với hướng ban đầu?

– Rút ra kết luận về hướng lệch của các vật thể chuyển động ở bán cầu Bắc và bán cầu Nam theo chiều kinh tuyến.

PHIẾU TỰ HỌC LỊCH SỬ - ĐỊA LÍ

Tuần 9

PHẦN LỊCH SỬ

Bài 8. Ấn Độ cổ đại

I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN (HS TỰ HỌC)

II. XÃ HỘI ẤN ĐỘ CỔ ĐẠI

Chế độ đẳng cấp trong xã hội Ấn Độ cổ đại được phân chia dựa trên cơ sở nào?

.....

Qua sơ đồ 8.2, em hãy cho biết đẳng cấp nào có vị thế cao nhất và đẳng cấp nào có vị thế thấp nhất?

.....

.....

III. NHỮNG THÀNH TỰU VĂN HÓA TIÊU BIỂU

Em hãy nêu những thành tựu văn hoá tiêu biểu của Ấn Độ cổ đại.

.....

Theo em, tôn giáo nào ở Ấn Độ quan niệm mọi người đều bình đẳng?

.....

Em hãy cho một ví dụ về một phép toán có sử dụng thành tựu số 0 của Ấn Độ cổ đại.

.....

.....

PHẦN ĐỊA LÍ

ÔN TẬP KIỂM TRA GIỮA KÌ

- Biết được kinh tuyến gốc, vĩ tuyến gốc, các bán cầu và toạ độ địa lí.
- Biết xác định hướng trên bản đồ và tính khoảng cách thực tế giữa hai địa điểm trên bản đồ theo tỉ lệ bản đồ.
- Biết đọc bản đồ, xác định được vị trí của đối tượng địa lí trên bản đồ.
- Biết tìm đường đi trên bản đồ.

PHIẾU HỌC TẬP

Môn Tin học lớp 6

Tuần 8: 25/10/2021-30/10/2021

Bài 3: MẠNG CÓ DÂY VÀ MẠNG KHÔNG DÂY

1 Đọc và hiểu:

Đọc SGK từ trang 27 đến trang 29 và cho nhận xét về các tình huống trong sách.

2 Trả lời các câu hỏi sau:

a) Mạng có dây?

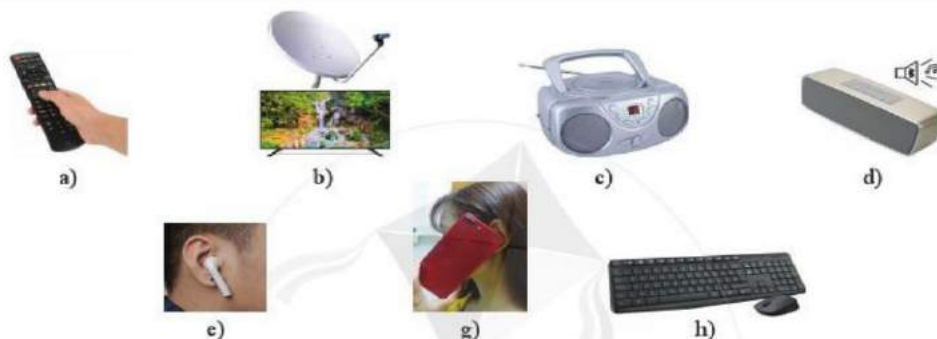


b) Các thiết bị kết nối không dây:



Hãy cho biết mỗi thiết bị trong Hình 3 truyền thông tin với thiết bị nào sau đây:

- Tivi;
- Các thiết bị phát sóng Bluetooth;
- Máy tính cá nhân;
- Đài truyền hình;
- Trạm phát sóng điện thoại;
- Đài phát thanh.



Hình 3. Một số thiết bị sử dụng liên lạc không dây

c) Mạng không dây?



Hình 5. Các máy tính kết nối với Access Point thông qua sóng điện từ

d) Theo em, mạng không dây và mạng có dây, mạng nào tiện hơn? Tại sao?

3 Kiến thức ghi nhớ:

TÓM TẮT BÀI HỌC

- ❖ Mạng có dây là loại mạng sử dụng dây cáp để truyền dữ liệu.
- ❖ Loại mạng máy tính sử dụng sóng điện từ để truyền thông tin được gọi là mạng không dây. Mạng không dây phù hợp hơn mạng có dây trong một số trường hợp.
- ❖ Trong mạng Wifi, Access Point là thiết bị trung gian giúp các máy tính trao đổi thông tin với nhau.